

NHỮNG ĐIỂM MỚI VỀ KHAI THUẾ CỦA THÔNG TƯ 80/2021/TT-BTC HƯỚNG DẪN LUẬT QUẢN LÝ THUẾ SỐ 38 VÀ NGHỊ ĐỊNH 126

Vụ Kế khai và Kế toán thuế- Tổng cục Thuế

❖ Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2022



I. Quy định chung về khai thuế

1. Các trường hợp NNT không phải nộp HSKT:

- NNT chỉ có hoạt động, kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với từng loại thuế.
- Cá nhân có thu nhập được miễn thuế theo quy định của pháp luật về thuế TNCN và quy định tại điểm b khoản 2 Điều 79 Luật Quản lý thuế (số thuế phải nộp QTT nhỏ hơn 50 ngàn VNĐ) trừ cá nhân nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản; chuyển nhượng bất động sản vẫn phải nộp HSKT đồng thời với hồ sơ miễn, giảm.
- Doanh nghiệp chế xuất chỉ có hoạt động xuất khẩu thì không phải nộp HSKT GTGT.
- Người nộp thuế tạm ngừng hoạt động, kinh doanh theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.



I. Quy định chung về khai thuế

1. Các trường hợp NNT không phải nộp HSKT (tiếp):

- Người nộp thuế nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế, trừ trường hợp chấm dứt hoạt động, chấm dứt hợp đồng, tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của khoản 4 Điều 44 Luật Quản lý thuế.
- NNT chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (trừ DNNN cổ phần hóa) DN chuyển đổi kế thừa toàn bộ nghĩa vụ về thuế không phải khai quyết toán thuế đến thời điểm có quyết định về việc chuyển đổi DN, chỉ khai quyết toán khi kết thúc năm (*Khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP*);
- Tổ chức không phát sinh chi trả thu nhập chịu thuế TNCN (CV số 2393/TCT-DNNCN ngày 1/7/2021 của Tổng cục Thuế);



I. Quy định chung về khai thuế

2. Khai thay, nộp thay cho NNT:

- ❖ Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm khai thay, nộp thay NNT mà quy định này nêu tại *Khoản 5 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP* thì phải thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay cho NNT và có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định về khai thuế, nộp thuế như quy định đối với NNT. Tổ chức, cá nhân khai thay, nộp thay bị xử phạt theo quy định của Luật QLT.
- ❖ Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm khai thay, nộp thay NNT theo ủy quyền quy định tại Luật Quản lý thuế (đại lý thuế) hoặc quy định tại Bộ Luật dân sự (Sàn giao dịch TMĐT) thì thực hiện theo trách nhiệm tại Hợp đồng ký với NNT. NNT bị xử phạt theo quy định của Luật QLT.



I. Quy định chung về khai thuế

3. Khai thuế riêng đối với NNT có nhiều hoạt động kinh doanh trên cùng địa bàn cấp tỉnh: khai chung trên một hồ sơ khai thuế, trừ các trường hợp sau:

- NNT có nhiều hoạt động kinh doanh trong đó có hoạt động xổ số kiến thiết, xổ số điện toán thì phải lập HSKT GTGT, TTĐB, lợi nhuận sau thuế riêng cho hoạt động xổ số kiến thiết, xổ số điện toán.
- NNT có nhiều hoạt động kinh doanh trong đó có hoạt động mua bán, chế tác vàng, bạc, đá quý thì phải lập HSKT GTGT riêng cho hoạt động mua bán, chế tác vàng, bạc, đá quý.
- NNT có khoản thu hộ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thì phải lập HSKT GTGT riêng cho hoạt động thu hộ.



I. Quy định chung về khai thuế

3. Khai thuế riêng đối với NNT có nhiều hoạt động kinh doanh trên cùng địa bàn cấp tỉnh (tiếp):

- NNT đang hoạt động có dự án đầu tư thuộc diện được hoàn thuế GTGT thì phải lập HSKT GTGT riêng cho từng dự án đầu tư; đồng thời phải bù trừ số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho từng dự án đầu tư với số thuế GTGT phải nộp (nếu có) của hoạt động, kinh doanh đang thực hiện cùng kỳ tính thuế.
- NNT được giao quản lý hợp đồng hợp tác kinh doanh với tổ chức nhưng không thành lập pháp nhân riêng thì thực hiện khai thuế GTGT riêng đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh theo thỏa thuận tại hợp đồng hợp tác kinh doanh.



I. Quy định chung về khai thuế

4. Khai thuế riêng đối với NNT có nhiều hoạt động kinh doanh trên nhiều địa bàn cấp tỉnh:

- Khai thuế GTGT của dự án đầu tư tại nơi có dự án đầu tư.
- Khai thuế GTGT đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản của **dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng** (bao gồm cả trường hợp có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ) tại nơi có hoạt động chuyển nhượng bất động sản.
- Khai thuế GTGT tại nơi có nhà máy sản xuất điện.
- Khai thuế TTĐB tại nơi sản xuất, gia công hàng hoá chịu thuế TTĐB hoặc nơi cung ứng dịch vụ chịu thuế TTĐB (trừ hoạt động kinh doanh xổ số điện toán và thuế TTĐB đối với hàng nhập khẩu bán trong nước).



I. Quy định chung về khai thuế

4. Khai thuế riêng đối với NNT có nhiều hoạt động kinh doanh trên nhiều địa bàn cấp tỉnh (tiếp):

- Khai thuế BVMT tại nơi sản xuất hàng hoá chịu thuế BVMT (trừ hoạt động kinh doanh xăng dầu); tại nơi có cơ sở sản xuất, kinh doanh than (gồm cả trường hợp tiêu dùng nội bộ), trừ trường hợp NNT có mô hình khai thác, chế biến, tiêu thụ khép kín.
- Khai thuế tài nguyên (trừ trường hợp lòng hồ thủy điện của nhà máy thủy điện nằm chung trên các địa bàn cấp tỉnh; hoạt động khai thác, xuất bán dầu thô; hoạt động khai thác, xuất bán khí thiên nhiên và thuế tài nguyên của tổ chức được giao bán tài nguyên bị bắt giữ, tịch thu; khai thác tài nguyên không thường xuyên đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép hoặc không thuộc trường hợp phải cấp phép theo quy định của pháp luật).



I. Quy định chung về khai thuế

4. Khai thuế riêng đối với NNT có nhiều hoạt động kinh doanh trên nhiều địa bàn cấp tỉnh (tiếp):

- Khai thuế thu nhập doanh nghiệp tại nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh có thu nhập được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Khai phí bảo vệ môi trường tại nơi khai thác khoáng sản (trừ dầu thô, khí thiên nhiên và khí than; tổ chức thu mua gom khoáng sản từ người khai thác nhỏ lẻ).
- Khai lệ phí môn bài tại nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh.
- Người nộp thuế có phát sinh nghĩa vụ thuế đối với các khoản thu từ đất tại nơi có đất; cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản tại nơi có tài nguyên
- Người nộp thuế có phát sinh nghĩa vụ thuế quyết toán thuế thu nhập cá nhân tại nơi CQ chi trả khai thuế hoặc nơi cư trú.



I. Quy định chung

5. Khai thuế, tính phân bổ nghĩa vụ thuế đối với NNT hạch toán tập trung có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh tại tỉnh khác nơi có trụ sở chính:

- ❖ NNT thực hiện hạch toán tập trung tại trụ sở chính và có hoạt động, kinh doanh trên nhiều địa bàn cấp tỉnh khác nơi có trụ sở chính nhưng không phải nộp Bảng phân bổ số thuế phải nộp (nếu có) theo từng địa bàn cấp tỉnh nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước (điểm a, b, d, đ, e Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)
- ❖ Các trường hợp phân bổ, phương pháp phân bổ, khai thuế, tính thuế, quyết toán thuế đối với thuế GTGT - Điều 13, TTĐB - Điều 14, Tài nguyên- Điều 15, BVMT- Điều 16, TNDN- Điều 17, CT-LNST- Điều 18, TNCN Điều 19 Thông tư số 80/2021/TT-BTC.



I. Quy định chung

5. Khai thuế, tính phân bổ nghĩa vụ thuế (tiếp):

- ❖ Số thuế phải nộp phân bổ cho các tỉnh nơi được hưởng nguồn thu NSNN phải đảm bảo không được lớn hơn số tiền thuế phải nộp trên HSKT của NNT. Trường hợp NNT không phát sinh số thuế phải nộp thì không phải xác định số thuế phải nộp cho các tỉnh nơi được hưởng nguồn thu NSNN. Riêng thuế GTGT vãng lai của hoạt động XD/CB, chuyển nhượng BĐS và thuế TNDN của hoạt động kinh doanh BĐS không thực hiện nguyên tắc này.
- ❖ NNT khai bổ sung làm thay đổi số thuế phân bổ tại từng tỉnh hoặc qua công tác thanh tra, kiểm tra phát hiện NNT kê khai, phân bổ không đúng quy định thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp xác định lại số phải phân bổ cho các tỉnh nơi được hưởng nguồn thu phân bổ.



I. Quy định chung

5. Khai thuế, tính phân bổ nghĩa vụ thuế (tiếp):

- ❖ NNT khai bổ sung làm thay đổi số thuế phân bổ tại từng tỉnh hoặc qua công tác thanh tra, kiểm tra phát hiện NNT kê khai, phân bổ không đúng quy định thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp xác định lại số phải phân bổ cho các tỉnh nơi được hưởng nguồn thu phân bổ.
- ❖ Căn cứ tình hình thực tế trên địa bàn quản lý, trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp tỉnh quyết định phân cấp nguồn thu cho nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh trên cùng địa bàn cấp tỉnh với nơi người nộp thuế có trụ sở chính thì người nộp thuế thực hiện tính thuế, phân bổ thuế phải nộp cho địa bàn cấp huyện nơi phát sinh nguồn thu (*Khoản 9 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP*)



I. Quy định chung

6. Sửa đổi chung về các mẫu biểu hồ sơ khai thuế:

- ❖ Bổ một số thông tin NNT phải kê khai do các thông tin này CQT đã có trong hệ thống TMS
- ❖ Bổ sung các chỉ tiêu về mã số địa điểm kinh doanh, địa chỉ nơi hoạt động sản xuất kinh doanh, nơi thực hiện khai thác, nơi có thu nhập được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, nơi được phân bổ nghĩa vụ thuế... để xác định địa bàn nơi phát sinh khoản thu trong các trường hợp NNT phải khai thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế cho địa bàn khác nơi đóng trụ sở.
- ❖ Thêm, sửa đổi chỉ tiêu “cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ” trên các bảng kê phân bổ số thuế phải nộp để tự động hạch toán số phải thu cho từng cơ quan thuế được nhận phân bổ.



I. Quy định chung

7. Hiệu lực đối với mẫu biểu hồ sơ khai thuế:

- ❖ Mẫu biểu hồ sơ khai thuế (khoản 2 Điều 87 Thông tư 80): Kể từ kỳ tính thuế tháng 1/2022, quý 1/2022, năm 2022, từng lần phát sinh bắt đầu từ ngày 01/01/2022 trở đi; quyết toán thuế của kỳ tính thuế năm 2021 trở đi => thực hiện theo mẫu biểu ban hành kèm theo phụ lục II Thông tư số 80.
- ❖ Mẫu biểu hồ sơ khai bổ sung:
 - Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS và bản giải trình khai bổ sung mẫu số 01-1/KHBS kể từ 1/1/2022 trở đi, không phân biệt kỳ tính thuế => thực hiện theo mẫu biểu ban hành kèm theo phụ lục II Thông tư số 80/2021/TT-BTC.
 - HSKT của kỳ tính thuế có sai sót tương ứng mẫu đã khai với CQT.



II. Khai bổ sung

1. Khai bổ sung hồ sơ khai thuế:

- ❖ Sửa đổi quy định hồ sơ khai bổ sung tính từ hồ sơ tiếp theo của hồ sơ khai thuế lần đầu đã được chấp nhận.
- ❖ Trường hợp khai bổ sung không làm thay đổi nghĩa vụ thuế thì người nộp thuế chỉ phải nộp Bản giải trình khai bổ sung mẫu số 01-1/KHBS và Hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai sót đã được bổ sung, không phải nộp Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS.
- ❖ NNT do cơ quan thuế tính thuế, thông báo nộp thuế khai bổ sung chỉ phải nộp Hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai sót; không phải nộp Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS và Bản giải trình khai bổ sung mẫu số 01-1/KHBS do người nộp thuế không phải tự xác định số thuế phải nộp.



II. Khai bổ sung

1. Khai bổ sung hồ sơ khai thuế (tiếp):

- ❖ Sửa đổi quy định về khai bổ sung tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công thì đồng thời phải khai bổ sung tờ khai tháng, quý có sai, sót tương ứng (*Điểm a Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP*).
- ❖ Sửa đổi quy định người nộp thuế chỉ được khai bổ sung tăng số thuế giá trị gia tăng đề nghị hoàn khi chưa nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế tiếp theo và chưa nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế (*Điểm b Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP*).



2. Hướng dẫn kê khai tờ khai bổ sung

2.1. Hướng dẫn lập mẫu tờ khai bổ sung số 01/KHBS:

❖ Phần thông tin chung:

- **Chỉ tiêu [01]:** Ký hiệu mẫu biểu của tờ khai người nộp thuế khai bổ sung. Lưu ý:
 - ✓ Trường hợp khai bổ sung cho HSKT kỳ tính thuế trước hiệu lực của TT80: ghi theo ký hiệu cũ tương ứng HSKT được điều chỉnh sai sót.
 - ✓ Trường hợp khai bổ sung cho HSKT kỳ tính thuế theo hiệu lực của TT80: ghi theo ký hiệu tương ứng HSKT theo TT80 được điều chỉnh sai sót.
- **Chỉ tiêu [02]:** Mã GDĐT của tờ khai lần đầu có sai sót cần bổ sung, điều chỉnh. Lưu ý: Đối với HSKT điện tử khai trên etax, hệ thống tự động hiển thị theo mã được ghi trên Thông báo chấp nhận HSKT theo mẫu 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo TT19/2021/TT-BTC. Trường hợp NNT khai HSKT qua ứng dụng hỗ trợ khai thuế (htkk), nếu tờ khai lần đầu của kỳ tính thuế đã nộp qua etax thì NNT nhập mã giao dịch điện tử trên Thông báo chấp nhận HSKT theo mẫu 01-2/TB-TĐT của HSKT lần đầu.



2. Hướng dẫn kê khai tờ khai bổ sung

2.1. Hướng dẫn lập mẫu tờ khai bổ sung số 01/KHBS (tiếp):

❖ Phần thông tin chung:

- Chỉ tiêu [03]: Kỳ tính thuế của hồ sơ khai thuế có sai sót cần bổ sung, điều chỉnh. Đối với HSKT điện tử, HSKT khai qua ứng dụng htkk, Hệ thống tự động hỗ trợ theo kỳ tính thuế của HSKT đã điều chỉnh, bổ sung.
- Chỉ tiêu [04]: Số thứ tự lần người nộp thuế khai bổ sung so với tờ khai lần đầu đã được cơ quan thuế thông báo chấp nhận. Đối với HSKT điện tử, HSKT khai qua ứng dụng htkk, Hệ thống tự động hỗ trợ theo thông tin lần bổ sung trên HSKT đã điều chỉnh, bổ sung.



2. Hướng dẫn kê khai tờ khai bổ sung

2.1. Hướng dẫn lập mẫu tờ khai bổ sung số 01/KHBS (tiếp):

* Phần kê khai các chỉ tiêu của bảng:

❖ **Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp, tăng/giảm số thuế được khấu trừ, tăng/giảm số thuế đề nghị hoàn:**

- Số liệu tại mục này được xác định theo từng nhóm số thuế phải nộp, tiền chậm nộp (nếu có), số thuế được khấu trừ hoặc số thuế đề nghị hoàn điều chỉnh tăng/giảm giữa tờ khai bổ sung so với tờ khai cùng kỳ liền kề trước đó đã nộp và được cơ quan thuế chấp nhận, ví dụ:
 - Tờ khai bổ sung lần 1: Là số chênh lệch giữa tờ khai bổ sung lần 1 với tờ khai lần đầu của kỳ tính thuế;
 - Tờ khai bổ sung lần 2: Là số chênh lệch giữa tờ khai bổ sung lần 2 với tờ khai bổ sung lần 1 của kỳ tính thuế.



2. Hướng dẫn kê khai tờ khai bổ sung

2.1. Hướng dẫn lập mẫu tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS (tiếp):

I. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp:

1. Số thuế phải nộp trên tờ khai điều chỉnh tăng/giảm:

- ❖ Cột (2): Khai thông tin tên tiểu mục của hệ thống mục lục ngân sách của loại thuế có điều chỉnh, bổ sung làm tăng hoặc giảm số thuế phải nộp so với tờ khai thuế có sai, sót. Đối với HSKT điện tử, khai qua htkk, Hệ thống tự động hỗ trợ theo loại tờ khai thuế của HSKT đã điều chỉnh, bổ sung. Ví dụ: tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT đối với hoạt động xổ số kiến thiết, xổ số điện toán sẽ hiển thị tiểu mục 1705,...
- ❖ Cột (3): Khai thông tin số thuế phải nộp tăng hoặc giảm. Số liệu để ghi vào cột này được lấy từ số liệu tương ứng tại cột (7) của bản giải trình mẫu số 01-1/KHBS (số liệu điều chỉnh tăng, giảm phải nộp).
- ❖ Chỉ tiêu [10]: Khai tổng cộng số thuế phải nộp điều chỉnh tăng hoặc giảm sau khi khai bổ sung so với số đã kê khai trên tờ khai thuế (chính là bằng tổng cột (3) của bảng này). Hệ thống etax và htkk tự động tính theo công thức chỉ tiêu này.



2. Hướng dẫn kê khai tờ khai bổ sung

2.1. Hướng dẫn lập mẫu tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS (tiếp):

Lưu ý:

- ❖ Mục này chỉ khai thông tin liên quan đến điều chỉnh tăng, giảm số thuế phải nộp trên tờ khai thuế.
- ❖ Trường hợp chưa nộp hồ sơ khai quyết toán thuế năm thì người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế của tháng, quý có sai, sót, đồng thời tổng hợp số liệu khai bổ sung vào hồ sơ khai quyết toán thuế năm.
- ❖ Trường hợp đã nộp hồ sơ khai quyết toán thuế năm thì chỉ khai bổ sung hồ sơ khai quyết toán thuế năm; riêng trường hợp khai bổ sung tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công thì đồng thời phải khai bổ sung tờ khai tháng, quý có sai, sót tương ứng.



2. Hướng dẫn kê khai tờ khai bổ sung

2.1. Hướng dẫn lập mẫu tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS (tiếp):

2. Số thuế phải nộp trên Phụ lục phân bổ điều chỉnh tăng/giảm:

- ❖ Cột (2): Khai thông tin tên tiểu mục của hệ thống mục lục ngân sách của loại thuế có điều chỉnh, bổ sung làm tăng hoặc giảm số thuế phải nộp so với phụ lục phân bổ có sai, sót và tên đơn vị phụ thuộc hoặc địa điểm kinh doanh có sai sót cần điều chỉnh về nghĩa vụ thuế phân bổ cho các địa phương. Đối với HSKT điện tử, HSKT khai qua ứng dụng htkk, Hệ thống tự động hỗ trợ theo loại Phụ lục phân bổ đã điều chỉnh, bổ sung. Ví dụ: Phụ lục phân bổ cho hoạt động xử số điện toán mẫu số 01-3/GTGT sẽ hiển thị tiểu mục 1705,...
- ❖ Cột (3): Khai mã số thuế của đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đã được cấp mã số thuế hoặc mã địa điểm kinh doanh (nếu chỉ được cấp mã số địa điểm kinh doanh) tương ứng với thông tin tên đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh có sai sót cần điều chỉnh về nghĩa vụ thuế phân bổ cho các địa phương tại cột (2).



2. Hướng dẫn kê khai tờ khai bổ sung

2.1. Hướng dẫn lập mẫu tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS (tiếp):

2. Số thuế phải nộp trên Phụ lục phân bổ điều chỉnh tăng/giảm:

- ❖ Cột (4): Khai thông tin địa bàn cấp huyện, tỉnh nơi được phân bổ nghĩa vụ thuế tương tự như cách kê khai của phụ lục phân bổ.
- ❖ Cột (5): Khai thông tin cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ tương tự như cách kê khai của phụ lục phân bổ.
- ❖ Cột (6): Khai số tiền thuế phải nộp điều chỉnh tăng hoặc giảm tương với từng tiểu mục tại cột (2).
- ❖ Chỉ tiêu [11]: Khai tổng cộng số thuế phải nộp điều chỉnh làm tăng, giảm sau khi khai bổ sung so với số đã kê khai trên phụ lục bảng phân bổ.
- ❖ Chỉ tiêu [10] + chỉ tiêu [11] = Chỉ tiêu [07] của Bản giải trình mẫu số 01-1/KHBS.

Lưu ý: Đối với HSKT điện tử, HSKT khai qua ứng dụng htkk, Hệ thống tự động hỗ trợ lập các chỉ tiêu nêu trên.



2. Hướng dẫn kê khai tờ khai bổ sung

2.1. Hướng dẫn lập mẫu tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS (tiếp):

3. Xác định số tiền chậm nộp điều chỉnh tăng/giảm:

- ❖ Khai thông tin số ngày chậm nộp tính đến ngày khai bổ sung và số tiền chậm nộp tăng hoặc giảm sau khi khai bổ sung làm tăng, giảm số thuế phải nộp vào các chỉ tiêu tương ứng.
- ❖ *Lưu ý: Người nộp thuế khai bổ sung dẫn đến tăng số thuế phải nộp thì phải nộp đủ số tiền thuế phải nộp tăng thêm và tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước (nếu có).*



2. Hướng dẫn kê khai tờ khai bổ sung

2.1. Hướng dẫn lập mẫu tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS (tiếp):

II. Số thuế được khấu trừ điều chỉnh tăng/giảm:

- ❖ Cột (2): Khai thông tin tên tiểu mục của hệ thống mục lục ngân sách của loại thuế có điều chỉnh, bổ sung làm tăng hoặc giảm số thuế được khấu trừ so với tờ khai thuế có sai, sót.
- ❖ Cột (3): Khai thông tin số thuế được khấu trừ tăng hoặc giảm. Số liệu để ghi vào cột này được lấy từ số liệu tương ứng tại cột (7) của bản giải trình mẫu số 01-1/KHBS (số liệu điều chỉnh tăng, giảm số thuế được khấu trừ).
- ❖ Chỉ tiêu [12] = Chỉ tiêu [08] của bản giải trình mẫu số 01-1/KHBS.

Lưu ý: Trường hợp khai bổ sung chỉ làm tăng hoặc giảm số thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau thì ngoài việc kê khai bổ sung tại phần này còn phải kê khai vào các chỉ tiêu điều chỉnh tăng/giảm số thuế được khấu trừ của các kỳ trước trên tờ khai thuế kỳ tính thuế hiện tại (kỳ phát hiện sai sót).

Đối với HSKT điện tử, HSKT khai qua ứng dụng htkk, Hệ thống tự động hỗ trợ lập các chỉ tiêu nêu trên.



2. Hướng dẫn kê khai tờ khai bổ sung

2.1. Hướng dẫn lập mẫu tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS (tiếp):

III. Số thuế đề nghị hoàn điều chỉnh tăng/giảm:

- ❖ Cột (2): Khai thông tin tên tiểu mục của hệ thống mục lục ngân sách của loại thuế có điều chỉnh, bổ sung làm tăng hoặc giảm số thuế đề nghị hoàn so với tờ khai thuế có sai, sót.
- ❖ Cột (3): Khai thông tin số thuế đề nghị hoàn tăng hoặc giảm. Số liệu để ghi vào cột này được lấy từ số liệu tương ứng tại cột (7) của bản giải trình mẫu số 01-1/KHBS (số liệu điều chỉnh tăng, giảm số thuế đề nghị hoàn).
- ❖ Chỉ tiêu [13] = Chỉ tiêu [09] của bản giải trình mẫu số 01-1/KHBS.

Lưu ý: Người nộp thuế chỉ được khai bổ sung tăng số thuế giá trị gia tăng đề nghị hoàn khi chưa nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế tiếp theo và chưa nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế.

Đối với HSKT điện tử, HSKT khai qua ứng dụng htkk, Hệ thống tự động hỗ trợ lập các chỉ tiêu nêu trên.



2. Hướng dẫn kê khai tờ khai bổ sung

2.1. Hướng dẫn lập mẫu tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS (tiếp):

B. Số thuế thu hồi hoàn và tiền chậm nộp (nếu có): Khai thông tin tại phần này khi người nộp thuế tự phát hiện số tiền thuế đã được hoàn không đúng quy định phải nộp trả NSNN.

I. Số thuế thu hồi hoàn:

1. Số tiền thu hồi hoàn: Khai thông tin chênh lệch giữa tờ khai bổ sung với tờ khai cùng kỳ liền kề trước đó, ví dụ:

- Tờ khai bổ sung lần 1: Là số chênh lệch giữa tờ khai bổ sung lần 1 với tờ khai lần đầu của kỳ tính thuế;
- Tờ khai bổ sung lần 2: Là số chênh lệch giữa tờ khai bổ sung lần 2 với tờ khai bổ sung lần 1 của kỳ tính thuế.

2. Thông tin Quyết định hoàn, Lệnh hoàn theo thông tin số tiền đã được hoàn thuế. Trường hợp có nhiều Quyết định, Lệnh hoàn thì khai nhiều dòng tương ứng với từng số tiền thu hồi hoàn.



2. Hướng dẫn kê khai tờ khai bổ sung

2.1. Hướng dẫn lập mẫu tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS (tiếp):

II. Tiền chậm nộp:

1. Số ngày nhận được tiền hoàn thuế: Khai thông tin số ngày nhận được tiền hoàn thuế được xác định kể từ ngày được Kho bạc Nhà nước chi trả tiền hoàn hoặc ngày Kho bạc Nhà nước hạch toán bù trừ tiền hoàn thuế với khoản thu ngân sách nhà nước theo Quyết định về việc thu hồi hoàn thuế của cơ quan thuế hoặc Quyết định hoặc Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đến ngày người nộp thuế khai bổ sung.

2. Số tiền chậm nộp: Khai thông tin số tiền chậm nộp được xác định bằng số tiền đã được hoàn phải nộp trả NSNN nhân với (x) số ngày nhận được tiền hoàn thuế nhân với (x) mức chậm nộp.

Lưu ý: Người nộp thuế khai bổ sung dẫn đến giảm số thuế đã được ngân sách nhà nước hoàn trả thì phải nộp đủ số tiền thuế đã được hoàn thừa và tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước (nếu có).

Đối với HSKT điện tử, HSKT khai qua ứng dụng htkk, Hệ thống tự động tính tiền chậm nộp.



2. Hướng dẫn kê khai tờ khai bổ sung

2.2. Hướng dẫn lập Bản giải trình khai bổ sung mẫu số 01-1/KHBS:

- ❖ Chỉ tiêu [01]: Ký hiệu mẫu biểu của tờ khai người nộp thuế khai bổ sung.
- ❖ Chỉ tiêu [02]: Mã giao dịch điện tử của tờ khai lần đầu có sai sót cần bổ sung, điều chỉnh.
- ❖ Chỉ tiêu [03]: Kỳ tính thuế của hồ sơ khai thuế có sai sót cần bổ sung, điều chỉnh.
- ❖ Chỉ tiêu [04]: Số thứ tự lần người nộp thuế khai bổ sung so với tờ khai lần đầu đã được cơ quan thuế thông báo chấp nhận.

-> Các chỉ tiêu này NNT kê khai tương tự như tờ khai bổ sung mẫu 01-1/KHBS.



2. Hướng dẫn kê khai tờ khai bổ sung

2.2. Hướng dẫn lập Bản giải trình khai bổ sung mẫu số 01-1/KHBS (tiếp):

A. Thông tin khai bổ sung: Khai thông tin cụ thể tất cả các chỉ tiêu có có chênh lệch hoặc thay đổi trên tờ khai, phụ lục của tờ khai bổ sung so với tờ khai cùng kỳ liền kề trước đó đã nộp và được cơ quan thuế chấp nhận, cụ thể:

- ❖ Cột (2): Khai thông tin tên tờ khai thuế, phụ lục có sai, sót và tên từng chỉ tiêu có sai, sót tương ứng.
- ❖ Cột (3): Khai thông tin mã số chỉ tiêu tương ứng với tên từng chỉ tiêu có sai, sót ở cột (2). Mã số chỉ tiêu này chính là mã số chỉ tiêu trên tờ khai thuế hoặc phụ lục có sai, sót.
- ❖ Cột (4): Khai thông tin số đã kê khai của từng chỉ tiêu có sai, sót tại tờ khai, phụ lục tương ứng.
- ❖ Cột (5): Khai thông tin số điều chỉnh lại của các chỉ tiêu có sai, sót.
- ❖ Cột (6): Khai dữ liệu chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai của tất cả các chỉ tiêu có sai, sót cần điều chỉnh trên tờ khai, phụ lục. Số liệu tại cột (6) = số liệu tại cột (5) - số liệu tại cột (4) tương ứng.



2. Hướng dẫn kê khai tờ khai bổ sung

2.2. Hướng dẫn lập Bản giải trình khai bổ sung mẫu số 01-1/KHBS (tiếp):

- ❖ Cột (7): Khai các chỉ tiêu thay đổi về số thuế phải nộp, số thuế được khấu trừ, số thuế đề nghị hoàn có sai, sót đã được điều chỉnh.
- ❖ Chỉ tiêu [07]: Khai tổng cộng số thuế phải nộp điều chỉnh làm tăng, giảm sau khi khai bổ sung so với số đã kê khai.
- ❖ Chỉ tiêu [08]: Khai tổng cộng số thuế khấu trừ điều chỉnh làm tăng, giảm sau khi khai bổ sung so với số đã kê khai.
- ❖ Chỉ tiêu [09]: Khai tổng cộng số thuế đề nghị hoàn điều chỉnh làm tăng, giảm sau khi khai bổ sung so với số đã kê khai.
- ❖ Trường hợp NNT khai bổ sung tờ khai thuế GTGT làm giảm khấu trừ làm tăng phải nộp thì kê khai vào chỉ tiêu [07] và chỉ tiêu [08]; giảm đề nghị hoàn làm tăng khấu trừ thì kê khai vào chỉ tiêu [08] và chỉ tiêu [09];...

-> Đối với hồ sơ khai thuế khai qua htkk, etax, hệ thống tự động lập phụ lục này căn cứ vào thông tin thay đổi trên tờ khai thuế đã được bổ sung, điều chỉnh với tờ khai thuế có sai sót, NNT không phải nhập bất kỳ chỉ tiêu nào.



III. Khai thuế Giá trị gia tăng

1. Khai thuế GTGT riêng đối với NNT có nhiều hoạt động kinh doanh

- i. Dự án đầu tư hoàn thuế (bao gồm cùng địa bàn hoặc khác địa bàn cấp tỉnh).
- ii. Hoạt động kinh doanh xổ số kiến thiết, xổ số điện toán;
- iii. Khoản thu hộ cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hợp đồng hợp tác kinh doanh không thành lập pháp nhân riêng;
- iv. Hoạt động chuyển nhượng bất động sản của dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng (bao gồm cả trường hợp có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ) tại nơi có hoạt động chuyển nhượng bất động sản (trừ kinh doanh BĐS vắng lai);
- v. Nhà máy sản xuất điện.
- v. Hoạt động mua bán, chế tác vàng, bạc, đá quý.



III. Khai thuế Giá trị gia tăng

2. Khai thuế đối với NNT có đơn vị phụ thuộc là chi nhánh, địa điểm kinh doanh

- NNT có đơn vị phụ thuộc trực tiếp bán hàng, sử dụng hoá đơn do đơn vị phụ thuộc đăng ký hoặc do người nộp thuế đăng ký với cơ quan thuế quản lý đơn vị phụ thuộc, theo dõi hạch toán đầy đủ thuế GTGT đầu ra, đầu vào thì đơn vị phụ thuộc thực hiện khai thuế GTGT với cơ quan thuế quản lý trực tiếp của đơn vị phụ thuộc.
- Đơn vị phụ thuộc không đáp ứng quy định nêu trên: khai thuế cùng với NNT và nộp HSKT, nộp thuế cho CQT quản lý trực tiếp NNT, trừ trường hợp khai thuế, tính thuế và phân bổ nghĩa vụ thuế.



III. Khai thuế Giá trị gia tăng

3. Khai thuế đối với hoạt động XD/CB và BĐS vãng lai

- NNT hoạt động XD/CB vãng lai khai thuế GTGT với CQT nơi có công trình xây dựng theo tỷ lệ 1% doanh thu chưa có thuế GTGT ghi trên Hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng mà nhà thầu, nhà thầu phụ ký trực tiếp với chủ đầu tư hoặc giá trị đầu tư tại từng tỉnh (công trình liên tỉnh);
- NNT hoạt động kinh doanh BĐS vãng lai khai thuế GTGT với CQT nơi có hoạt động chuyển nhượng theo tỷ lệ 1% doanh thu chưa có thuế GTGT;
- Tổng hợp doanh thu chưa có thuế GTGT vào HSKT tại trụ sở chính để xác định số thuế phải nộp cho toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh tại trụ sở chính.



III. Khai thuế Giá trị gia tăng

3. Khai thuế đối với hoạt động XD/CB và BĐS vãng lai (tiếp):

❖ Nghĩa vụ thuế tại nơi khai vãng lai:

- NNT phải nộp TK 05/GTGT, nộp đủ thuế GTGT phải nộp cho CQT quản lý địa bàn có hoạt động vãng lai=> Xử phạt nếu chậm nộp, không nộp HSKT.
- CQT vãng lai theo dõi nợ => Không tính TCN; xử lý nộp thừa nếu NNT nộp nhầm, sai sót.

❖ Nghĩa vụ thuế tại trụ sở chính:

- NNT phải khai đầy đủ doanh thu, thuế GTGT đầu ra vãng lai vào Tờ khai 01/GTGT để xác định số thuế phải nộp tại TSC; Số thuế GTGT đã nộp, số thuế GTGT KBNN đã khấu trừ chuyển thành số đã nộp để trừ cho số phải nộp tại TSC.
- CQT theo dõi nợ => Tính TCN theo nghĩa vụ tại TSC; theo dõi nộp thừa: xử lý bù trừ, hoàn nộp thừa trên số phải nộp tại TSC.



III. Khai thuế Giá trị gia tăng

4. Khai, nộp phân bổ đối với NNT có hoạt động KD nhiều địa bàn cấp tỉnh, hạch toán tập trung: NNT khai thuế cho cả đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh; nộp HSKT cho CQT quản lý trụ sở chính, tính và lập bảng phân bổ số thuế phải nộp và nộp cho từng tỉnh nơi được hưởng nguồn thu NSNN nếu thuộc các trường hợp sau:

- i. Hoạt động kinh doanh xổ số điện toán
- ii. Đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh là cơ sở sản xuất: xác định theo doanh thu thực tế phát sinh của CSSX và của NNT trong kỳ tính thuế (kể cả khai bổ sung, CQT hoặc cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra phát hiện)
- iii. Nhà máy thủy điện nằm trên nhiều tỉnh: khai riêng từng nhà máy thủy điện với CQT nơi có văn phòng điều hành nhà máy thủy điện; nộp số tiền thuế phân bổ cho từng tỉnh theo tỷ lệ (%) giá trị đầu tư của phần nhà máy thủy điện nằm trên địa giới hành chính từng tỉnh trên tổng giá trị đầu tư của nhà máy thủy điện.
- iv. Dịch vụ viễn thông có chi nhánh hạch toán phụ thuộc ở tỉnh khác với nơi đóng TSC cùng tham gia kinh doanh dịch vụ viễn thông cước trả sau



III. Khai thuế Giá trị gia tăng

4. Khai, nộp phân bổ đối với NNT có hoạt động KD nhiều địa bàn cấp tỉnh, hạch toán tập trung (tiếp):

❖ Tại CQT trụ sở chính:

- Theo dõi số thuế GTGT phải nộp, đã nộp của từng địa bàn (địa bàn trụ sở chính, từng địa bàn nhận phân bổ) theo bảng kê phụ lục phân bổ=> Tính TCN trên tổng số thuế còn nợ sau khi đã bù trừ địa bàn nợ, địa bàn nộp thừa.
- Theo dõi nộp thừa: xử lý bù trừ, hoàn nộp nhằm, nộp thừa cả trụ sở chính và địa bàn phân bổ

❖ Tại CQT nhận phân bổ:

- Chỉ theo dõi số liệu và xử lý bù trừ tự động (cùng tiểu mục).



III. Khai thuế Giá trị gia tăng

5. Kỳ tính thuế GTGT:

- ❖ Khai tháng
- ❖ Khai quý: NNT được lựa chọn khai theo quý nếu (i) đáp ứng điều kiện doanh thu năm trước (đủ 12 tháng) ≤ 50 tỷ đồng (bao gồm cả đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh hạch toán tập trung); (ii) NNT mới hoạt động kinh doanh; (iii) doanh thu của sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển trên 50 tỷ đồng/năm.
 - Kỳ khai tháng, quý tron năm dương lịch.
 - NNT đang thực hiện khai thuế theo tháng nếu đủ điều kiện khai thuế theo quý và lựa chọn chuyển sang khai thuế theo quý thì gửi Văn bản đề nghị thay đổi kỳ tính thuế từ tháng sang quý đến CQT quản lý trực tiếp chậm nhất là 31/01 của năm bắt đầu khai thuế theo quý; sau thời hạn này, tiếp tục thực hiện khai thuế theo tháng ổn định trọn năm dương lịch.



III. Khai thuế Giá trị gia tăng

5. Kỳ tính thuế GTGT (tiếp):

❖ *Khai quý:*

- NNT tự phát hiện không đủ điều kiện khai thuế theo quý thì người nộp thuế phải thực hiện khai thuế theo tháng kể từ tháng đầu của quý tiếp theo. NNT không phải nộp lại HSKT theo tháng của các quý trước đó nhưng phải nộp Bản xác định số tiền thuế phải nộp theo tháng tăng thêm so với số đã kê khai theo quý và phải tính tiền chậm nộp theo quy định.
- CQT phát hiện NNT không đủ điều kiện khai thuế theo quý thì CQT phải xác định lại số tiền thuế phải nộp theo tháng tăng thêm so với số NNT đã kê khai và phải tính tiền chậm nộp theo quy định. NNT phải thực hiện khai thuế theo tháng kể từ thời điểm nhận được văn bản của CQT.



III. Khai thuế Giá trị gia tăng

6. Mẫu hồ sơ khai thuế:

- ❖ **Bỏ:** Bảng kê thuế GTGT đã nộp vãng lai ngoại tỉnh mẫu số 01-5/GTGT và Thông báo chuyển đổi kỳ khai thuế GTGT từ quý sang tháng mẫu số 07/GTGT
- ❖ **Bổ sung:** Văn bản đề nghị thay đổi kỳ tính thuế từ tháng sang quý mẫu số 01/ĐK-TĐKTT và Bản xác định số tiền thuế phải nộp theo tháng tăng thêm so với số đã kê khai theo quý
- ❖ **Các mẫu HSKT giữ nguyên, bỏ một số chỉ tiêu (chỉ tiêu 39 TK 01/GTGT), bổ sung một số chỉ tiêu phù hợp quy định (01/GTGT: bs nút chọn hoạt động khai riêng, thuế GTGT đã nộp khâu NK, thuế GTGT bàn giao; TK 02/GTGT: tên, chủ dự án đầu tư; TK 04/GTGT: thu hộ; TK 05/GTGT: bỏ bán hàng vãng lai, bs hợp đồng XD)**



III.1- Khai thuế Giá trị gia tăng theo PPKT

1. Hướng dẫn lập tờ khai thuế mẫu số 01/GTGT:

* Phần thông tin chung:

❖ Chỉ tiêu [01a] - Tên hoạt động sản xuất kinh doanh:
Người nộp thuế phải lựa chọn hoặc ghi một trong các hoạt động sau:

- (1) Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.
- (2) Hoạt động xổ số kiến thiết, xổ số điện toán.
- (3) Hoạt động thăm dò khai thác dầu khí.
- (4) Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng khác địa bàn tỉnh nơi đóng trụ sở chính.
- (5) Nhà máy sản xuất điện khác địa bàn tỉnh nơi đóng trụ sở chính.



III.1- Khai thuế Giá trị gia tăng theo PPKT

1. Hướng dẫn lập tờ khai thuế mẫu số 01/GTGT:

* Phần thông tin chung:

Lưu ý: Chỉ tiêu [01a]

+ Chỉ tiêu này bắt buộc người nộp thuế phải khai và ghi đúng tên hoạt động sản xuất kinh doanh. Trường hợp người nộp thuế không ghi tên hoạt động sản xuất kinh doanh trên tờ khai thì được hiểu là “Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường”. Người nộp thuế thực hiện khai điện tử, Hệ thống Etax hỗ trợ người nộp thuế lựa chọn một trong các trường hợp, không được bỏ trống.

+ Trường hợp người nộp thuế có nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh nêu trên thì lập nhiều tờ khai thuế, mỗi tờ khai, người nộp thuế lựa chọn một hoạt động sản xuất kinh doanh tương ứng với thông tin kê khai.



III.1- Khai thuế Giá trị gia tăng theo PPKT

1. Hướng dẫn lập tờ khai thuế mẫu số 01/GTGT (tiếp):

* Phần thông tin chung:

Lưu ý: Chỉ tiêu [01a]

+ Người nộp thuế khi kê khai cho hoạt động sản xuất kinh doanh là Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường, Hoạt động xổ số kiến thiết, xổ số điện toán, Hoạt động thăm dò khai thác dầu khí chỉ được nộp tờ khai đến CQT quản lý trực tiếp.

+ Người nộp thuế khi kê khai cho hoạt động sản xuất kinh doanh là Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng khác địa bàn tỉnh nơi đóng trụ sở chính; Nhà máy sản xuất điện khác địa bàn tỉnh nơi đóng trụ sở chính chỉ không được nộp tờ khai đến CQT quản lý trực tiếp mà nộp cho cơ quan thuế nơi có dự án hoặc nơi có nhà máy sản xuất điện.



III.1- Khai thuế Giá trị gia tăng theo PPKT

1. Hướng dẫn lập tờ khai thuế mẫu số 01/GTGT (tiếp):

* Phần thông tin chung:

- ❖ Chỉ tiêu [02], [03]: Tích chọn “Lần đầu”. Trường hợp người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế lần đầu đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì kê khai bổ sung theo số thứ tự của từng lần bổ sung.

Lưu ý:

+ Người nộp thuế thực hiện khai điện tử, Hệ thống Etax, htkk hỗ trợ người nộp thuế xác định Tờ khai thuế “Lần đầu” tương ứng với từng hoạt động sản xuất kinh doanh tại chỉ tiêu [01a] .

+ Kể từ thời điểm Hệ thống Etax có Thông báo chấp nhận hồ sơ khai thuế đối với Tờ khai thuế “Lần đầu”, các Tờ khai thuế tiếp theo của cùng kỳ tính thuế, cùng hoạt động sản xuất kinh doanh là tờ khai “Bổ sung”. Người nộp thuế phải nộp Tờ khai “Bổ sung” theo quy định về khai bổ sung.



III.1- Khai thuế Giá trị gia tăng theo PPKT

1. Hướng dẫn lập tờ khai thuế mẫu số 01/GTGT (tiếp):

* Phần thông tin chung:

- ❖ Chỉ tiêu [09], [10], [11]: Trường hợp NNT khai riêng thuế GTGT cho đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đóng tại địa phương khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính.

Lưu ý:

+ Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đóng trên nhiều huyện do Cục Thuế quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện để kê khai vào chỉ tiêu này. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đóng trên nhiều huyện do Chi cục Thuế khu vực quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện cho huyện do Chi cục Thuế khu vực quản lý để kê khai vào chỉ tiêu này.

+ Người nộp thuế khai thuế điện tử, Hệ thống Etax tự động hỗ trợ hiển thị thông tin về đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đã đăng ký thuế để người nộp thuế lựa chọn.



III.1- Khai thuế Giá trị gia tăng theo PPKT

2. Hướng dẫn lập tờ khai thuế mẫu số 01/GTGT (tiếp):

* Phần kê khai các chỉ tiêu của bảng:

- ❖ **Chỉ tiêu [23a], [24a]:** Kê khai riêng đối với giá trị mua vào và thuế GTGT mua vào của hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu.
- ❖ **Chỉ tiêu [39a]:** Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số thuế GTGT còn được khấu trừ chưa đề nghị hoàn của dự án đầu tư chuyển cho người nộp thuế tiếp tục khấu trừ (là số thuế GTGT còn được khấu trừ, không đủ điều kiện hoàn, không hoàn mà người nộp thuế đã kê khai riêng tờ khai thuế dự án đầu tư) khi dự án đầu tư đi vào hoạt động hoặc số thuế GTGT còn được khấu trừ chưa đề nghị hoàn của hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị phụ thuộc khi chấm dứt hoạt động,...

-> Lưu ý: Khi khai thuế trên htkk, etax các chỉ tiêu được xác định theo công thức thì hệ thống tự động tính, NNT không được nhập vào các chỉ tiêu này.



III.1- Khai thuế Giá trị gia tăng theo PPKT

3. Hướng dẫn lập Phụ lục phân bổ mẫu số 01-6/GTGT:

* Thông tin chi tiết tại bảng:

❖ Chỉ tiêu [06]:

- Trường hợp tích chọn đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh là cơ sở sản xuất tại chỉ tiêu [01a] thì khai thông tin số thuế phải nộp của cơ sở sản xuất vào chỉ tiêu này.

- Trường hợp tích chọn đơn vị phụ thuộc kinh doanh dịch vụ viễn thông cước trả sau tại chỉ tiêu [01a] thì khai thông tin số thuế phải nộp của dịch vụ viễn thông cước trả sau chỉ tiêu này.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này do người nộp thuế tự xác định trên cơ sở thông tin phát sinh thực tế của từng hoạt động được phân bổ nghĩa vụ thuế nhưng không được lớn hơn số thuế phải nộp tại chỉ tiêu [40] trên tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.



III.1- Khai thuế Giá trị gia tăng theo PPKT

3. Hướng dẫn lập Phụ lục phân bổ mẫu số 01-6/GTGT (tiếp):

* Thông tin chi tiết tại bảng:

❖ Chỉ tiêu [07]:

- Trường hợp tích chọn đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh là cơ sở sản xuất tại chỉ tiêu [01a] thì khai thông tin tổng doanh thu chưa có thuế GTGT của cơ sở sản xuất vào chỉ tiêu này.

- Trường hợp tích chọn đơn vị phụ thuộc kinh doanh dịch vụ viễn thông cước trả sau tại chỉ tiêu [01a] thì không khai thông tin vào chỉ tiêu này.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này do người nộp thuế tự xác định trên cơ sở thông tin phát sinh thực tế của từng hoạt động được phân bổ nghĩa vụ thuế nhưng không được lớn hơn tổng doanh thu chưa có thuế GTGT tại chỉ tiêu [27] trên tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.



III.1- Khai thuế Giá trị gia tăng theo PPKT

3. Hướng dẫn lập Phụ lục phân bổ mẫu số 01-6/GTGT (tiếp):

* Thông tin chi tiết tại bảng:

- ❖ **Cột chỉ tiêu [09], [10], [11], [12]:** Khai thông tin tên, MST, huyện, tỉnh của đơn vị phụ thuộc, tên địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính theo thông tin đăng ký thuế
- ❖ **Cột chỉ tiêu [13]:** Khai thông tin tên cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ nơi được hưởng khoản thu phân bổ này. NNT khai điện tử hệ thống Etax hỗ trợ hiển thị
- ❖ **Cột chỉ tiêu [14], [15], [16], [17], [21]:** khai thông tin doanh thu sản phẩm sản xuất (chưa có thuế GTGT), thuế GTGT phải nộp được phân bổ của từng hoạt động Sản xuất hoặc cước viễn thông trả sau và tương ứng với thuế suất.

Lưu ý: Hệ thống Etax, htkk tách thành 02 Phụ lục là PL 01-6/GTGT – CSSX áp dụng trong trường hợp tích chọn “Đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh là cơ sở sản xuất” và PL 01-6/GTGT – VT cước trả sau áp dụng trong trường hợp tích chọn “Đơn vị phụ thuộc kinh doanh dịch vụ viễn thông cước trả sau” để phù hợp với từng nhóm đối tượng phân bổ.



III.2- Khai thuế Giá trị gia tăng theo PPKT

1. Hướng dẫn lập tờ khai thuế mẫu số 05/GTGT:

- Phần thông tin chung:

Chỉ tiêu [01]: Mã số thuế: Là MST của NNT.

Chỉ tiêu [09]: Khai thông tin địa chỉ nơi có hoạt động xây dựng, chuyển nhượng bất động sản khác tỉnh với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính. Trường hợp có nhiều hoạt động đóng trên nhiều huyện nhưng cơ quan thuế quản lý các hoạt động này là Cục Thuế hoặc Chi cục Thuế khu vực thì chọn 1 huyện trong các huyện nơi có hoạt động để kê khai vào chỉ tiêu này.



III.2- Khai thuế Giá trị gia tăng theo PPKT

2. Hướng dẫn lập tờ khai thuế mẫu số 05/GTGT (tiếp):

❖ **Chỉ tiêu [21], [22], [23]:** Khai doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng, tỷ lệ tính thuế 1% và thuế GTGT phải nộp tương ứng với từng hoạt động xây dựng; chuyển nhượng bất động sản.

-> Lưu ý: Khi khai thuế trên htkk, etax các chỉ tiêu được xác định theo công thức thì hệ thống tự động tính, NNT không được nhập vào các chỉ tiêu này.

❖ **II. kê khai thông tin của hợp đồng xây dựng:**

Khai thông tin liên quan đến hợp đồng xây dựng gồm số hợp đồng, ngày hợp đồng, tên chủ đầu tư, mã số thuế của chủ đầu tư (nếu có), địa chỉ nơi có công trình (số nhà, đường phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/TP), tổng giá trị hợp đồng (chưa có thuế GTGT). Người nộp thuế chỉ kê khai lần đầu khi hợp đồng được ký kết hoặc khai bổ sung, thay đổi khi phát sinh thay đổi hợp đồng, giá trị hợp đồng.

-> Lưu ý: Tờ khai này chỉ nộp đến CQT quản lý địa bàn có hoạt động xây dựng, chuyển nhượng BĐS khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở, không được nộp đến CQT quản lý trụ sở chính. Trên hệ thống etax, NNT phải đăng ký CQT vắng lai và chọn CQT đó mới nộp được tờ khai.



III.3- Khai thuế Giá trị gia tăng theo PPKT

1. Hướng dẫn lập tờ khai thuế mẫu 02/GTGT:

- ❖ Chỉ tiêu [01a] - mã hồ sơ khai dự án đầu tư: Người nộp thuế tự xác định mã hồ sơ khai dự án đầu tư đảm bảo phải duy nhất theo mã số thuế của người nộp thuế cho từng dự án đầu tư với các thông tin từ chỉ tiêu [06] đến [13].
- ❖ Chỉ tiêu [06], [07], [08], [09], [10], [11]: Khai thông tin về tên dự án đầu tư, địa chỉ thực hiện dự án đầu tư, văn bản phê duyệt dự án đầu tư theo thông tin của dự án mà người nộp thuế đang thực hiện khai thuế.
- ❖ Chỉ tiêu [12], [13]: Khai thông tin về tên chủ dự án đầu tư, mã số thuế của chủ dự án đầu tư được giao thực hiện dự án mà người nộp thuế đang thực hiện khai thuế.



III.3- Khai thuế Giá trị gia tăng theo PPKT

2. Hướng dẫn lập tờ khai thuế mẫu 02/GTGT (tiếp):

- ❖ Chỉ tiêu [21a]: Khai số thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư thuộc trường hợp được hoàn thuế GTGT do chủ dự án giao quản lý dự án hoặc từ các đơn vị khác do chủ dự án phân công quản lý.
- ❖ Chỉ tiêu [22a], [23a]: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này kê khai riêng đối với giá trị mua vào và thuế GTGT mua vào của hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu.
- ❖ Chỉ tiêu [28] “Tổng số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ mua vào”: Số liệu để khai vào chỉ tiêu này được xác định theo công thức $[28]=[21]+[21a]+[23]+[25]-[27]$ -> Sửa lại công thức để tính thêm chỉ tiêu [21] “Thuế giá trị gia tăng chưa được hoàn kỳ trước chuyển sang”, [21a] “Thuế giá trị gia tăng đầu vào của dự án đầu tư nhận bàn giao” đảm bảo phản ánh toàn bộ thuế GTGT của dự án đầu tư đến kỳ khai thuế này.



III.3- Khai thuế Giá trị gia tăng theo PPKT

2. Hướng dẫn lập tờ khai thuế mẫu 02/GTGT (tiếp):

- ❖ Chỉ tiêu [28a]: Khai thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư bù trừ với thuế GTGT phải nộp của hoạt động SXKD tại chỉ tiêu [40b] của Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT cùng kỳ tính thuế của chủ dự án đầu tư trong trường hợp chủ đầu tư trực tiếp khai tờ khai thuế GTGT mẫu số 02/GTGT. Chỉ tiêu [28a] \leq chỉ tiêu [28].
- ❖ Chỉ tiêu [28b]: Khai thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư bù trừ với thuế GTGT phải nộp của hoạt động SXKD tại chỉ tiêu [40b] của Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT cùng kỳ tính thuế của chủ dự án đầu tư trong trường hợp người nộp thuế là chi nhánh, ban quản lý dự án được chủ đầu tư giao quản lý dự án đầu tư. Chỉ tiêu [28b] \leq Chỉ tiêu [28] - Chỉ tiêu [28a].



III.3- Khai thuế Giá trị gia tăng theo PPKT

2. Hướng dẫn lập tờ khai thuế mẫu 02/GTGT (tiếp):

- ❖ Chỉ tiêu [29] “Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được hoàn đến kỳ tính thuế của dự án đầu tư”: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này được xác định theo công thức $[29]=[28]-[28a]-[28b]$ -> Bổ sung tổng hợp thêm chỉ tiêu [28b].
 - ❖ Chỉ tiêu [31]: Khi dự án đầu tư để thành lập doanh nghiệp đã hoàn thành và hoàn tất các thủ tục về đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế, Chủ dự án đầu tư phải tổng hợp số thuế giá trị gia tăng chưa được hoàn của dự án để bàn giao cho doanh nghiệp mới thành lập và kê khai vào chỉ tiêu này. Chỉ tiêu $[31] \leq (\text{chỉ tiêu [29]} - \text{chỉ tiêu [30]})$.
- > Lưu ý: Khi khai thuế trên htkk, etax các chỉ tiêu được xác định theo công thức thì hệ thống tự động tính, NNT không được nhập vào các chỉ tiêu này.



III.4 Khai thuế Giá trị gia tăng theo PPTT trên DT

1. Hướng dẫn lập tờ khai thuế mẫu 04/GTGT (tiếp):

- ❖ Trường hợp NNT có phát sinh khoản thu hộ thuế GTGT cho cơ quan có thẩm quyền thì tích chọn vào chỉ tiêu khai riêng đối với khoản thu hộ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao và kê khai thông tin chi tiết tại mục B (khoản thu hộ là 5% hoặc 10%, doanh thu, thuế suất, thuế GTGT phải nộp).
- > Lưu ý: Khi khai thuế trên htkk, etax NNT chỉ kê khai chỉ tiêu doanh thu (chỉ tiêu [33], còn chỉ tiêu thuế suất (chỉ tiêu [34]) hệ thống tự hiển thị theo khoản thu hộ là 5% hoặc 10% mà NNT đã kê khai. Chỉ tiêu số thuế phải nộp (chỉ tiêu [35]) được xác định theo công thức nên hệ thống tự động tính, NNT không được nhập vào chỉ tiêu này.



III.4- Khai thuế Giá trị gia tăng theo PPTT trên DT

1. Hướng dẫn lập tờ khai thuế mẫu 04/GTGT (tiếp):

- ❖ Trường hợp NNT có phát sinh hoạt động chuyển nhượng BĐS theo từng lần phát sinh thì NNT nộp hồ sơ khai thuế cho CQT có bất động sản chuyển nhượng.
 - ❖ Trường hợp NNT vừa có hoạt động SXKD và hoạt động chuyển nhượng BĐS tại CQT quản lý trực tiếp thì nộp 2 tờ khai 04/GTGT (tờ khai của hoạt động SXKD theo tháng/quý, từng lần phát sinh) và tờ khai của hoạt động chuyển nhượng BĐS theo từng lần phát sinh cho CQT quản lý trực tiếp.
- > Lưu ý: Trên Hệ thống etax, NNT phải đăng ký tờ khai 04/GTGT theo tháng/quý để kê khai tờ khai 04/GTGT theo kỳ tính thuế tháng/quý sau đó đăng ký ngừng nộp tờ khai theo tháng/quý để đăng ký tờ khai 04/GTGT theo lần phát sinh để nộp tờ khai theo kỳ tính thuế lần phát sinh. Trường hợp cả 2 hoạt động SXKD và chuyển nhượng BĐS đều có cùng kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thì NNT gộp chung vào 1 tờ khai 04/GTGT để nộp đến CQT quản lý TT.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

1. Điểm mới về khai thuế TNDN

- ❖ BS1: Sửa đổi quy định kê khai thuế TNDN theo lần phát sinh đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản chỉ bắt buộc với NNT áp dụng phương pháp tỷ lệ trên doanh thu.
- ❖ BS2: Riêng quy định về nghĩa vụ tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 03 quý đầu năm tính thuế không được thấp hơn 75% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán năm đang báo cáo các cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung.
- ❖ BS3: Sửa đổi quy định về tạm nộp thuế TNDN đối với người nộp thuế có thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng hoặc cho thuê mua, có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ phù hợp với quy định của pháp luật thì tạm nộp thuế theo quý theo tỷ lệ 1% trên số tiền thu được



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

- ❖ BS4: NNT hạch toán tập trung tại trụ sở chính có cơ sở sản xuất là đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh tại tỉnh khác khai thuế tập trung với CQT quản lý trụ sở chính, tính phân bổ nghĩa vụ thuế và nộp cho từng tỉnh nơi được hưởng nguồn thu NSNN :
 - Sửa đổi tỷ lệ phân bổ theo tỷ lệ (%) giữa chi phí của từng cơ sở sản xuất trên tổng chi phí của NNT (không bao gồm chi phí của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN) theo chi phí thực tế phát sinh của kỳ tính thuế.
 - Số thuế TNDN phải nộp để phân bổ không bao gồm số thuế TNDN phải nộp cho hoạt động được hưởng ưu đãi.
 - Số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi được xác định theo kết quả sản xuất kinh doanh của hoạt động được hưởng ưu đãi và mức ưu đãi được hưởng.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

- ❖ **BS5: NNT có hoạt động chuyển nhượng bất động sản tại tỉnh khác với nơi NNT đóng trụ sở chính:**
 - Sửa đổi quy định về tiêu thức xác định số thuế TNDN tạm nộp hằng quý và số thuế TNDN phải nộp phân bổ cho từng tỉnh theo quyết toán năm thống nhất theo tỷ lệ 1% doanh thu tính thuế TNDN.
 - Số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm tại các tỉnh (không bao gồm số thuế đã tạm nộp cho doanh thu chưa quyết toán) được trừ vào số thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản của từng tỉnh khi quyết toán, nếu chưa trừ hết thì tiếp tục trừ vào số thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quyết toán tại trụ sở chính.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

- ❖ BS6: Pháp lý hóa quy định về phân bổ số thuế TNDN phải nộp đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán khác tỉnh.
- ❖ BS7: Bỏ tiêu thức phân bổ theo tỷ lệ sản lượng điện sản xuất của nhà máy thủy điện với tổng sản lượng điện sản xuất của cơ sở sản xuất thủy điện đối với trường hợp cơ sở sản xuất thủy điện có nhiều nhà máy thủy điện trong đó có nhà máy thủy điện nằm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi cơ sở sản xuất thủy điện đóng trụ sở nếu không xác định được tỷ lệ chi phí của từng nhà máy thủy điện; thống nhất sử dụng tiêu thức phân bổ là tỷ trọng giá trị đầu tư của phần nhà máy thủy điện nằm trên địa giới hành chính từng tỉnh trên tổng giá trị đầu tư của nhà máy thủy điện



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2. Mẫu HSKT TNDN

- Mẫu 02/TNDN (Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp (áp dụng đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo từng lần phát sinh): Bổ sung chỉ tiêu [9] địa chỉ nơi có bất động sản chuyển nhượng theo từng lần phát sinh
- Mẫu 03/TNDN (Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí):- Bỏ chỉ tiêu C7 do không còn mức thuế suất 22%; Bỏ ct về tính tiền chậm nộp; BS ct kê khai chuyển chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước của DN có GDLK theo Nghị định số 132; BS, sửa ct miễn, giảm; BS ct đối với BĐS thu tiền theo tiến độ; BS ct khai số thuế đã nộp thừa kỳ tính thuế trước chuyển sang, ct khai riêng số thuế đã tạm nộp, số thuế còn phải nộp hoặc nộp thừa đối với hoạt động chuyển nhượng BĐS có thu tiền theo tiến độ trong các kỳ tính thuế trước và trong năm được quyết toán vào kỳ tính thuế này; BS ct khai số thuế còn phải nộp của NNT theo quyết toán. => CQT hạch toán số CPN theo Tờ khai của NNT.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

- Các mẫu 03-3A, B, C, D Phụ lục thuế TNDN được ưu đãi: BS ct để đáp ứng quy định kê khai riêng thu nhập ưu đãi của đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh khác tỉnh tại nơi có ưu đãi=> Tự động hạch toán riêng số thuế phải nộp, quản lý nợ, TCN, xử lý nộp thừa, hoàn trả tại CQT địa bàn ưu đãi.
- Các mẫu 03-8, A, B, C Phụ lục bảng phân bổ số thuế TNDN phải nộp tại từng tỉnh: hạch toán tương tự thuế GTGT
- BS mẫu 03-9/TNDN (Phụ lục bảng kê chứng từ nộp tiền thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng bất động sản thu tiền theo tiến độ chưa bàn giao trong năm)



IV. Khai quyết toán thuế Thu nhập doanh nghiệp

2. Mẫu biểu HSKT: 03/TNDN, 04/TNDN áp dụng từ kỳ tính thuế 2021

Một số thay đổi chỉ tiêu trên mẫu biểu:

- **Mẫu 03/TNDN:** Bỏ chỉ tiêu C7 do không còn mức thuế suất 22%; Bỏ chỉ tiêu về tính tiền chậm nộp; Bổ sung chỉ tiêu kê khai chuyển chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước của DN có GDLK theo Nghị định số 132; Bổ sung chỉ tiêu miễn, giảm; Bổ sung chỉ tiêu đối với BĐS thu tiền theo tiến độ; Bổ sung chỉ tiêu khai số thuế đã nộp thừa kỳ tính thuế trước chuyển sang, chỉ tiêu khai riêng số thuế đã tạm nộp, số thuế còn phải nộp hoặc nộp thừa đối với hoạt động chuyển nhượng BĐS có thu tiền theo tiến độ trong các kỳ tính thuế trước và trong năm được quyết toán vào kỳ tính thuế này; Bổ sung chỉ tiêu khai số thuế còn phải nộp của NNT theo quyết toán.



IV. Khai quyết toán thuế Thu nhập doanh nghiệp

- **Các mẫu 03-3A, B, C, D Phụ lục thuế TNDN được ưu đãi:** BS ct để đáp ứng quy định kê khai riêng thu nhập ưu đãi của đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh khác tỉnh tại nơi có ưu đãi.
- **Bổ sung mẫu 03-8A/TNDN:** Phân bổ thuế TNDN phải nộp từ hoạt động CN BĐS khác tỉnh theo tỷ lệ 1% trên doanh thu
- **Bổ sung mẫu 03-9/TNDN:** kê chứng từ nộp tiền thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng bất động sản thu tiền theo tiến độ chưa bàn giao trong năm.
- **Mẫu 04/TNDN (Quyết toán):** Bổ sung chỉ tiêu miễn, giảm; Bổ sung chỉ tiêu khai số thuế đã nộp thừa kỳ tính thuế trước chuyển sang, chỉ tiêu khai riêng số thuế đã tạm nộp, số thuế còn phải nộp hoặc nộp thừa của NNT theo quyết toán.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.1. Hướng dẫn lập tờ khai quyết toán mẫu 03/TNDN:

* Phần thông tin chung:

- ❖ **Chỉ tiêu [01]:** Ghi rõ kỳ tính thuế năm (theo năm dương lịch hoặc năm tài chính đối với doanh nghiệp áp dụng năm tài chính khác với năm dương lịch), từ ngày đầu tiên của năm dương lịch/năm tài chính hoặc ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh (đối với doanh nghiệp mới thành lập) hoặc ngày hợp đồng bắt đầu có hiệu lực (đối với hợp đồng) đến ngày kết thúc năm dương lịch/năm tài chính hoặc ngày chấm dứt hoạt động kinh doanh hoặc chấm dứt hợp đồng hoặc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp hoặc tổ chức lại doanh nghiệp được xác định phù hợp với kỳ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.
- > Khi kê khai trên ứng dụng, NNT đánh dấu chọn loại kỳ tính thuế là một trong các kỳ tính thuế sau: định kỳ hoặc kỳ tính thuế đầu tiên hoặc kỳ tính thuế cuối cùng để được kê khai theo nội dung tại chỉ tiêu 01 nêu trên.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.1. Hướng dẫn lập mẫu 03/TNDN (tiếp):

* Phần thông tin chung:

- ❖ Chỉ tiêu [04]: NNT chọn ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất từ danh mục mã ngành cấp 2
- ❖ Chỉ tiêu [05]: NNT kê khai tỷ lệ ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất đã chọn ở chỉ tiêu [04]



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.1. Hướng dẫn lập mẫu 03/TNDN (tiếp):

* Phần thông tin chi tiết:

- ❖ Chỉ tiêu **[A1]**: NNT kê khai tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế theo quy định của pháp luật về kế toán. Chỉ tiêu [A1] được lấy từ chỉ tiêu [22] trên Phụ lục 03-1A hoặc chỉ tiêu [19] trên Phụ lục 03-1B hoặc chỉ tiêu [90] trên Phụ lục 03-1C
- ❖ Chỉ tiêu **[B1]**: NNT kê khai toàn bộ các điều chỉnh về doanh thu hoặc chi phí được ghi nhận theo chế độ kế toán, nhưng không phù hợp với quy định của Luật thuế TNDN, làm tăng tổng lợi nhuận trước thuế TNDN của cơ sở kinh doanh. Chỉ tiêu này được xác định bằng tổng các Chỉ tiêu từ [B2] đến [B7].



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.1. Hướng dẫn lập mẫu 03/TNDN (tiếp):

- ❖ Chỉ tiêu **[B5]**: NNT kê khai toàn bộ số thuế TNDN (hoặc một loại thuế có bản chất tương tự như thuế TNDN) cơ sở kinh doanh đã nộp ở nước ngoài đối với số thu nhập mà cơ sở nhận được từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ ở nước ngoài trong kỳ tính thuế dựa trên các Biên lai và/hoặc chứng từ nộp thuế ở nước ngoài và được lấy từ dòng “Tổng cộng” tại cột (4) trên Phụ lục 03-4/TNDN
- ❖ Chỉ tiêu **[B8]**: NNT kê khai toàn bộ các khoản điều chỉnh dẫn đến giảm lợi nhuận trước thuế đã được phản ánh trong hệ thống sổ sách kế toán của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này được xác định bằng công thức: $[B8] = [B9] + [B10] + [B11] + [B12]$



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.1. Hướng dẫn lập mẫu 03/TNDN (tiếp):

- ❖ Chỉ tiêu **[B5]**: NNT kê khai toàn bộ số thuế TNDN (hoặc một loại thuế có bản chất tương tự như thuế TNDN) đã nộp ở nước ngoài đối với số thu nhập mà NNT nhận được từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ ở nước ngoài trong kỳ tính thuế dựa trên các Biên lai và/hoặc chứng từ nộp thuế ở nước ngoài và được lấy từ dòng “Tổng cộng” tại cột (4) trên Phụ lục 03-4/TNDN.
- ❖ Chỉ tiêu **[B8]**: NNT kê khai toàn bộ các khoản điều chỉnh dẫn đến giảm lợi nhuận trước thuế đã được phản ánh trong hệ thống sổ sách kế toán của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này được xác định bằng công thức: $[B8] = [B9] + [B10] + [B11] + [B12]$.
- ❖ Chỉ tiêu **[B11]**: NNT kê khai chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của DN có GKKL.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.1. Hướng dẫn lập mẫu 03/TNDN (tiếp):

* Phần thông tin chi tiết:

- ❖ Chỉ tiêu **[C2]**: NNT kê khai thu nhập miễn thuế theo Luật thuế TNDN, chọn chi tiết loại thu nhập miễn thuế trong danh mục. Trường hợp NNT có nhiều loại thu nhập miễn thuế thì chọn loại theo thu nhập lớn nhất.
- ❖ Chỉ tiêu **[C12]**: NNT kê khai riêng thuế TNDN được miễn vào chỉ tiêu C12 tương ứng với tổng số thuế TNDN được miễn tại CT[13] mẫu 03-3A/TNDN + CT [13] mẫu 03-3B/TNDN + CT [20] mẫu 03-3D/TNDN
- ❖ Chỉ tiêu **[C13]**: NNT kê khai riêng thuế TNDN được giảm vào chỉ tiêu C12 tương ứng với tổng số thuế TNDN được giảm tại CT[14] mẫu 03-3A/TNDN + CT[14] mẫu 03-3B/TNDN + CT[16] mẫu 03-3C + CT [21] mẫu 03-3D
- ❖ Chỉ tiêu **[C15]**: NNT kê khai số thuế TNDN được miễn, giảm theo Nghị quyết, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các trường hợp được miễn, giảm khác không theo Luật thuế TNDN.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.1. Hướng dẫn lập mẫu 03/TNDN (tiếp):

* Phần thông tin chi tiết:

- ❖ Chỉ tiêu **[D1]**: NNT kê khai thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản. Chỉ tiêu này được xác định như sau: D1=B15=CT [12] mẫu 03-5/TNDN
- ❖ Chỉ tiêu **[D2]**: NNT kê khai lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản được chuyển trong kỳ tính thuế. Chỉ tiêu này được tổng hợp từ chỉ tiêu [05] Phụ lục 03-2/TNDN
- ❖ Chỉ tiêu **[D4]**: NNT kê khai số tiền trích lập quỹ phát triển khoa học, công nghệ trong kỳ. Chỉ tiêu này được lấy từ chỉ tiêu [05] trên Phụ lục 03-6/TNDN



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.1. Hướng dẫn lập mẫu 03/TNDN (tiếp):

- ❖ **Chỉ tiêu [D6]:** NNT kê khai số thuế TNDN phát sinh từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản trong kỳ tính thuế được tính theo thuế suất không ưu đãi, chưa trừ số thuế TNDN được miễn, giảm trong kỳ. Chỉ tiêu này được xác định: $D6 = D5 \times 20\%$.
- ❖ **Chỉ tiêu [D7]:** NNT kê khai số thuế TNDN được giảm do được áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua. Chỉ tiêu này được tổng hợp từ chỉ tiêu [12] phụ lục 03-3A/TNDN kê khai ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.1. Hướng dẫn lập mẫu 03/TNDN (tiếp):

- ❖ Chỉ tiêu **[E]**: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp trong kỳ tính thuế, không bao gồm số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tỉnh đã kê khai riêng.
- ❖ Chỉ tiêu **[E1]**: NNT kê khai số thuế TNDN của hoạt động SXKD phải nộp kỳ này, không bao gồm số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tỉnh khai riêng
- ❖ Chỉ tiêu **[E2]**: NNT kê khai số thuế TNDN của hoạt động CN BĐS phải nộp kỳ này, không bao gồm số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tỉnh đã kê khai riêng. Chỉ tiêu $E2 = E3 + E4$
- ❖ Chỉ tiêu **[E3]**: NNT kê khai số thuế TNDN của hoạt động CN BĐS phải nộp kỳ này, không bao gồm số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tỉnh đã kê khai riêng và số thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.1. Hướng dẫn lập mẫu 03/TNDN (tiếp):

- ❖ Chỉ tiêu **[E4]**: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ được quyết toán trong kỳ tính thuế, không bao gồm số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tỉnh đã kê khai riêng.
- ❖ Chỉ tiêu **[E5]**: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp khác trong kỳ tính thuế trừ số thuế TNDN phải nộp đã kê khai ở chỉ tiêu E1, E2 (nếu có). Trường hợp NNT có xử lý tính thuế TNDN thu hồi, tính lãi đối với số thuế thu hồi khi xử lý quỹ phát triển KHCCN thì NNT kê khai trên chỉ tiêu này và kê khai chi tiết trên chỉ tiêu E6.
- ❖ Chỉ tiêu **[E6]**: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, lãi phải nộp từ xử lý Quỹ phát triển KHCCN. Chỉ tiêu [E6] được tổng hợp từ chỉ tiêu [06] trên phụ lục 03-6/TNDN.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.1. Hướng dẫn lập mẫu 03/TNDN (tiếp):

- ❖ Chỉ tiêu **[G]**: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm, không bao gồm số thuế TNDN tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tỉnh kê khai riêng.
- ❖ Chỉ tiêu **[G1]**: NNT kê khai số thuế TNDN của hoạt động SXKD nộp thừa trong kỳ trước do NNT thực hiện tạm nộp theo quý lớn hơn số thuế phải nộp theo quyết toán năm, chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này.
- ❖ Chỉ tiêu **[G2]**: NNT kê khai số thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh đã tạm nộp theo quý trong năm tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp tính đến hết ngày 31/3/2022.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.1. Hướng dẫn lập mẫu 03/TNDN (tiếp):

- ❖ Chỉ tiêu **[G3]**: NNT kê khai số thuế TNDN của hoạt động CN BĐS nộp thừa trong kỳ trước do NNT thực hiện tạm nộp theo quý lớn hơn số thuế phải nộp theo quyết toán năm, chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này. Chỉ tiêu này không bao gồm số thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ được quyết toán trong kỳ này.
- ❖ Chỉ tiêu **[G4]**: NNT kê khai số thuế TNDN của hoạt động CN BĐS đã tạm nộp theo quý trong năm tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp tính đến hết ngày 31/3/2022. Chỉ tiêu này không bao gồm số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ được quyết toán trong kỳ này.
- ❖ Chỉ tiêu **[G5]**: NNT kê khai số thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng bất động sản đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ được quyết toán trong kỳ này.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.1. Hướng dẫn lập mẫu 03/TNDN (tiếp):

- ❖ Chỉ tiêu [H1]: NNT kê khai chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ❖ Chỉ tiêu [H2]: NNT kê khai chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS.
- ❖ Chỉ tiêu [H3]: NNT kê khai chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ.
- ❖ Chỉ tiêu [I]: NNT kê khai số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế.
- ❖ Chỉ tiêu [I1]: NNT kê khai thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ❖ Chỉ tiêu [I2]: NNT kê khai thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS..



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.2. Hướng dẫn lập Phụ lục mẫu 03-1A/TNDN:

* Phần thông tin chung: kê khai như tờ khai 03/TNDN

* Phần thông tin chi tiết:

❖ NNT kê khai phụ lục kết quả sản xuất kinh doanh theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 133/2016/TT-BTC.

5.4. Hướng dẫn lập Phụ lục mẫu 03-1B/TNDN (áp dụng đối với ngành ngân hàng, tín dụng):

* Phần thông tin chung: kê khai như tờ khai 03/TNDN

* Phần thông tin chi tiết:

❖ NNT kê khai phụ lục kết quả sản xuất kinh doanh theo hướng dẫn tại Thông tư số 49/2014/TT-NHNN.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.3. Hướng dẫn lập Phụ lục mẫu 03-1C/TNDN (áp dụng đối với Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán):

*** Phần thông tin chung:** kê khai như tờ khai 03/TNDN

*** Phần thông tin chi tiết:**

- ❖ NNT kê khai phụ lục kết quả sản xuất kinh doanh theo hướng dẫn tại Thông tư số 334/2016/TT-BTC.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.4. Hướng dẫn lập Phụ lục chuyển lỗ mẫu 03-2/TNDN:

* **Phần thông tin chung**: kê khai như tờ khai 03/TNDN

* **Phần thông tin chi tiết**:

- ❖ NNT kê khai tách riêng mục I, mục II để chuyển lỗ theo từng loại thu nhập (chuyển lỗ đối với hoạt động SXKD thông thường; chuyển lỗ đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản), theo từng năm chuyển lỗ.
- ❖ **Chỉ tiêu [04]**: NNT ghi tổng số lỗ của hoạt động sản xuất kinh doanh được chuyển trong kỳ tính thuế này, không vượt quá thu nhập chịu thuế (chưa trừ chuyển lỗ) của doanh nghiệp sau khi đã trừ thu nhập miễn thuế trong kỳ. Chỉ tiêu này được ghi vào chỉ tiêu C3a của tờ khai 03/TNDN
- ❖ **Chỉ tiêu [05]**: NNT ghi tổng số lỗ của hoạt động chuyển nhượng bất động sản được chuyển trong kỳ tính thuế này, không vượt quá thu nhập chịu thuế của hoạt động chuyển nhượng bất động sản trong kỳ. Chỉ tiêu này được ghi vào chỉ tiêu D2 của tờ khai 03/TNDN.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.5. Hướng dẫn lập Phụ lục ưu đãi mẫu 03-3A/TNDN (đối với thu nhập từ dự án đầu tư mới, thu nhập của doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp):

*** Phần thông tin chung:**

- ❖ **Chỉ tiêu [01]:** Ghi rõ kỳ tính thuế năm phù hợp kỳ tính thuế trên tờ khai 03/TNDN
- ❖ Trường hợp NNT kê khai riêng Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi mẫu 03-3A/TNDN tại cơ quan thuế nơi NNT có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh khác tỉnh có thu nhập được hưởng ưu đãi thuế TNDN, NNT ghi rõ kỳ tính thuế năm như chỉ tiêu [01] của tờ khai 03/TNDN cùng kỳ.
- ❖ **Chỉ tiêu [04], [05]:** NNT ghi tên và mã số thuế của người nộp thuế phù hợp thông tin trên tờ khai 03/TNDN



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.5. Hướng dẫn lập Phụ lục ưu đãi mẫu 03-3A/TNDN (tiếp):

- ❖ **Chỉ tiêu [09a], [09b], [09c]:** NNT kê khai thông tin của đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh khác tỉnh có thu nhập được hưởng ưu đãi theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đóng trên nhiều địa bàn cấp huyện do Cục Thuế quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện để kê khai vào chỉ tiêu này. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh do Chi cục Thuế khu vực quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện cho địa bàn cấp huyện do Chi cục Thuế khu vực quản lý để kê khai vào chỉ tiêu này. NNT có hoạt động ưu đãi cùng tỉnh với nơi có trụ sở chính kê khai thông tin địa bàn của nơi có trụ sở chính.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.5. Hướng dẫn lập mẫu 03-3A/TNDN (tiếp):

* Phần thông tin chi tiết:

- ❖ **Phần A.** Xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của người nộp thuế tại trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh: NNT kê khai theo từng dự án đầu tư/trường hợp được hưởng ưu đãi thuế TNDN bao gồm ưu đãi thuế TNDN của NNT tại trụ sở chính/đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh cùng tỉnh với trụ sở chính, và ưu đãi thuế TNDN của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh.
- ❖ Cột (1): NNT ghi thứ tự thông tin theo từng dự án đầu tư/thu nhập thuộc trường hợp được hưởng ưu đãi thuế TNDN.
- ❖ Cột (2), (3): NNT ghi tên, MST của NNT (trụ sở chính)/đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh có dự án đầu tư/thu nhập được hưởng ưu đãi thuế TNDN.
- ❖ Cột (4): NNT ghi tên cơ quan thuế quản lý NNT (trụ sở chính)/đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh có dự án đầu tư/thu nhập được hưởng ưu đãi thuế TNDN.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.5. Hướng dẫn lập mẫu 03-3A/TNDN (tiếp):

- ❖ Cột (5): NNT kê khai thông tin về điều kiện, trường hợp được hưởng ưu đãi thuế. Trường hợp NNT khai thuế điện tử thì chọn trường hợp ưu đãi theo danh mục.
- ❖ Cột (6), (7), (8): NNT kê khai thông tin dự án đầu tư được hưởng ưu đãi bao gồm tên dự án đầu tư (cột 6), mã dự án đầu tư (cột 7), lĩnh vực hoạt động của dự án đầu tư (cột 8). Trường hợp NNT không áp dụng ưu đãi theo dự án đầu tư thì bỏ trống thông tin các cột này.
- ❖ Cột (9), (10), (11), (12), (13), (14), (15), (16): NNT kê khai thời gian được ưu đãi, kết quả kinh doanh của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế tương ứng với DADT/trường hợp được hưởng ưu đãi



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.5. Hướng dẫn lập mẫu 03-3A/TNDN (tiếp):

- ❖ Cột (17): NNT kê khai thu nhập tính thuế được hưởng ưu đãi thuế TNDN. Chỉ tiêu tại cột (17) = (13) - (14) - (15) - (16).
- ❖ Cột (18): NNT kê khai thuế suất được hưởng ưu đãi phù hợp với điều kiện được hưởng ưu đãi thuế ở cột (5) và thông tin thời gian được hưởng ưu đãi thuế suất ở cột (9), (10).
- ❖ Cột (19): NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông. Chỉ tiêu cột (19) = cột (17) x 20%. Tổng cộng cột (19) = chỉ tiêu [11].
- ❖ Cột (20): NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp tính theo thuế suất ưu đãi. Chỉ tiêu cột (20) = cột (17) x cột (18).



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.5. Hướng dẫn lập mẫu 03-3A/TNDN (tiếp):

- ❖ Cột (21): NNT kê khai số thuế chênh lệch do áp dụng thuế suất ưu đãi. Chỉ tiêu cột (21) = cột (19) - cột (20). Tổng cộng cột (21) = chỉ tiêu [12] được tổng hợp lên chỉ tiêu [C11] của tờ khai 03/TNDN
- ❖ Cột (22): NNT kê khai tỷ lệ giảm thuế, cụ thể ghi tỷ lệ 100% nếu đang áp dụng ưu đãi miễn thuế, ghi tỷ lệ 50% đối với nếu đang áp dụng ưu đãi giảm thuế.
- ❖ Cột (23): NNT kê khai số thuế TNDN được miễn thuế. Tổng cộng cột (23) = chỉ tiêu [13] được tổng hợp lên chỉ tiêu [C12] của tờ khai 03/TNDN
- ❖ Cột (24): NNT kê khai số thuế TNDN được giảm thuế. Tổng cộng cột (24) = chỉ tiêu [14] được tổng hợp lên chỉ tiêu [C13] của tờ khai 03/TNDN
- ❖ Cột (25): NNT kê khai tổng số thuế TNDN được ưu đãi thuế. Chỉ tiêu cột (25) = cột (21) + cột (23) + cột (24). Tổng cộng cột (25) = chỉ tiêu [15]



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.5. Hướng dẫn lập mẫu 03-3A/TNDN:

- ❖ **Phần B.** Xác định số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh. **NNT không phải kê khai mục B nếu hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN cùng tỉnh với nơi có trụ sở chính.**
- ❖ **Chỉ tiêu [16]:** NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo công thức $[16]=[11] - [15]$
- ❖ **Chỉ tiêu [17]:** NNT kê khai số thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh nộp thừa trong kỳ trước do NNT thực hiện tạm nộp theo quý lớn hơn số thuế phải nộp theo quyết toán năm tại cơ quan thuế mà NNT thực hiện kê khai riêng hoạt động ưu đãi, chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.5. Hướng dẫn lập mẫu 03-3A/TNDN:

- ❖ **Chỉ tiêu [18]:** NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp theo quý trong năm tại cơ quan thuế mà NNT thực hiện kê khai riêng hoạt động ưu đãi tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp tính đến hết ngày 31/3/2022.
- ❖ **Chỉ tiêu [19]:** NNT kê khai chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm theo công thức $[19]=[16]-[18]$
- ❖ **Chỉ tiêu [20]:** NNT kê khai số thuế TNDN còn phải nộp sau quyết toán theo công thức $[20]=[16]-[17]-[18]$



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.6. Hướng dẫn lập Phụ lục ưu đãi mẫu 03-3B/TNDN (Đối với cơ sở kinh doanh đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ sản xuất (dự án đầu tư mở rộng)):

- ❖ * **Phần thông tin chung**: tương tự mẫu 03-3A/TNDN
- ❖ * **Phần thông tin chi tiết**:
- ❖ Tương tự hướng dẫn kê khai các chỉ tiêu tương ứng tại mẫu 03-3A/TNDN
- ❖ Riêng cột (8) - NNT lựa chọn tiêu chí đáp ứng điều kiện ưu đãi đầu tư mở rộng theo danh mục trên ứng dụng của CQT.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.7. Hướng dẫn lập Phụ lục ưu đãi mẫu 03-3C/TNDN (đối với doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số hoặc doanh nghiệp hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ):

* **Phần thông tin chung:** tương tự mẫu 03-3A/TNDN

* **Phần thông tin chi tiết:**

- ❖ **Phần A. Xác định điều kiện và mức độ ưu đãi thuế**
- ❖ **Mục 1:** NNT kê khai thông tin về điều kiện ưu đãi thuế TNDN, trong đó lựa chọn ưu đãi theo điều kiện là Doanh nghiệp hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ hay Doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số và kê khai thông tin chi tiết về tổng số lao động, thông tin về văn bản xác nhận của cơ quan quản lý lao động có thẩm quyền theo từng điều kiện ưu đãi mà NNT lựa chọn.
- ❖ **Mục 2:** NNT lựa chọn ưu đãi theo điều kiện là Doanh nghiệp hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ hay Doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.7. Hướng dẫn lập mẫu 03-3C/TNDN (tiếp):

- ❖ **Phần B. Xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của người nộp thuế tại trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh**
- ❖ Chỉ tiêu [10], [11], [12], [13], [14], [15]: NNT kê khai doanh thu, chi phí, thu nhập miễn thuế, chuyển lỗ, thu nhập tính thuế, thuế TNDN phải nộp trước khi áp dụng ưu đãi thuế của hoạt động được hưởng ưu đãi.
- ❖ Chỉ tiêu [16]: NNT kê khai số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trong kỳ tính thuế, không quá số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đã kê khai tại chỉ tiêu [15]. Chỉ tiêu [16] = [18] + [20].
- ❖ Chỉ tiêu [17], [18]: NNT kê khai tổng các khoản chi và thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm tương ứng với số chi cho lao động nữ.
- ❖ Chỉ tiêu [19], [20]: NNT kê khai tổng các khoản chi và thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm tương ứng với số chi cho lao động là người dân tộc thiểu số



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.7. Hướng dẫn lập mẫu 03-3C/TNDN (tiếp):

- ❖ Phần C. Xác định số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh. NNT không phải kê khai mục C nếu hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN cùng tỉnh với nơi có trụ sở chính.
- ❖ Chỉ tiêu [21]: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo công thức $[21]=[15] - [16]$.
- ❖ Chỉ tiêu [22]: NNT kê khai số thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh nộp thừa trong kỳ trước do NNT thực hiện tạm nộp theo quý lớn hơn số thuế phải nộp theo quyết toán năm tại cơ quan thuế mà NNT thực hiện kê khai riêng hoạt động ưu đãi, chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.7. Hướng dẫn lập mẫu 03-3C/TNDN (tiếp):

- ❖ Chỉ tiêu [23]: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp theo quý trong năm tại cơ quan thuế mà NNT thực hiện kê khai riêng hoạt động ưu đãi tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp tính đến hết ngày 31/3/2022.
- ❖ Chỉ tiêu [24]: NNT kê khai chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm theo công thức $[24]=[21]-[23]$
- ❖ Chỉ tiêu [25]: NNT kê khai số thuế TNDN còn phải nộp sau quyết toán theo công thức $[25]=[21]-[22]-[23]$



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.8. Hướng dẫn lập Phụ lục ưu đãi mẫu 03-3D/TNDN (đối với doanh nghiệp khoa học công nghệ hoặc doanh nghiệp thực hiện chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao):

* Phần thông tin chung: tương tự mẫu 03-3A/TNDN

* Phần thông tin chi tiết:

- ❖ **Phần A. Xác định điều kiện và mức độ ưu đãi thuế**: NNT lựa chọn điều kiện ưu đãi:
- ❖ *Trường hợp lựa chọn Ưu đãi thuế TNDN dành cho doanh nghiệp thực hiện chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn:*
- ❖ Chỉ tiêu [10], [11], [12]: NNT kê khai doanh thu, chi phí, thu nhập tính thuế TNDN từ hoạt động chuyển giao công nghệ được giảm thuế.
- ❖ Chỉ tiêu [13]: NNT kê khai tỷ lệ giảm thuế (%).
- ❖ Chỉ tiêu [14]: NNT kê khai số thuế TNDN được giảm. Chỉ tiêu [14]=[12] x 20% x [13]. Chỉ tiêu [14] được tổng hợp lên chỉ tiêu [C13] của tờ khai 03/TNDN.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.8. Hướng dẫn lập mẫu 03-3D/TNDN (tiếp):

❖ *Trường hợp lựa chọn ưu đãi thuế TNDN dành cho doanh nghiệp khoa học công nghệ, NNT kê khai các chỉ tiêu:*

1. Số Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, ngày cấp, nơi cấp; Danh mục công nghệ, sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất đủ điều kiện được hưởng ưu đãi.
2. Xác định điều kiện về doanh thu để được hưởng ưu đãi: NNT kê khai đầy đủ thông tin các chỉ tiêu [15], [16], [17], [18].



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.8. Hướng dẫn lập mẫu 03-3D/TNDN (tiếp):

- ❖ **Phần B.** Xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của người nộp thuế tại trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh: NNT kê khai theo từng trường hợp được hưởng ưu đãi thuế TNDN bao gồm ưu đãi thuế TNDN của NNT tại trụ sở chính/đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh cùng tỉnh với trụ sở chính, và ưu đãi thuế TNDN của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh
- ❖ Cột (1), (2), (3), (4): NNT ghi thứ tự, tên, MST, tên cơ quan thuế quản lý của NNT (trụ sở chính)/từng đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế TNDN
- ❖ Cột (5), (6): NNT kê khai thời gian được ưu đãi, trong đó: kê khai số năm được hưởng ưu đãi thuế suất (cột 5), năm bắt đầu hưởng ưu đãi thuế suất (cột 6) theo pháp luật thuế TNDN.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.8. Hướng dẫn lập mẫu 03-3D/TNDN:

- ❖ Cột (7), (8), (9), (10): NNT kê khai kết quả kinh doanh của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế, chi tiết chỉ tiêu về doanh thu tính thuế (cột 7), chi phí tính thuế (cột 8), thu nhập miễn thuế (cột 9), chuyển lỗ và bù trừ lãi lỗ (cột 10).
- ❖ Cột (11) -> (14): NNT kê khai thu nhập tính thuế được hưởng ưu đãi thuế TNDN, số thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông, tỷ lệ giảm thuế (ghi tỷ lệ 100% nếu đang áp dụng ưu đãi miễn thuế, ghi tỷ lệ 50% đối với nếu đang áp dụng ưu đãi giảm thuế), số thuế TNDN được miễn thuế. Tổng cột (14) = chỉ tiêu [20] được tổng hợp lên chỉ tiêu [C12] của tờ khai 03/TNDN.
- ❖ Cột (15): NNT kê khai số thuế TNDN được giảm thuế. Tổng cộng cột (15) = chỉ tiêu [21] được tổng hợp lên chỉ tiêu [C13] của tờ khai 03/TNDN.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.8. Hướng dẫn lập mẫu 03-3D/TNDN:

- ❖ **Phần C.** Xác định số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh. NNT không phải kê khai mục C nếu hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN cùng tỉnh với nơi có trụ sở chính.
- ❖ Chỉ tiêu [23]: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo công thức $[23]=[19] - [22]$
- ❖ Chỉ tiêu [24]: NNT kê khai số thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh nộp thừa trong kỳ trước do NNT thực hiện tạm nộp theo quý lớn hơn số thuế phải nộp theo quyết toán năm tại cơ quan thuế mà NNT thực hiện kê khai riêng hoạt động ưu đãi, chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.8. Hướng dẫn lập mẫu 03-3D/TNDN (tiếp):

- ❖ Chỉ tiêu [25]: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp theo quý trong năm tại cơ quan thuế mà NNT thực hiện kê khai riêng hoạt động ưu đãi tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp tính đến hết ngày 31/3/2022.
- ❖ Chỉ tiêu [26]: NNT kê khai chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm theo công thức $[26]=[23]-[25]$
- ❖ Chỉ tiêu [27]: NNT kê khai số thuế TNDN còn phải nộp sau quyết toán theo công thức $[27]=[23]-[24]-[25]$.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.9. Hướng dẫn lập mẫu 03-4/TNDN

* Phần thông tin chung: tương tự mẫu 03/TNDN

* Phần thông tin chi tiết:

- ❖ NNT kê khai theo từng khoản thu nhập nhận được ở nước ngoài thông tin từ cột (1) -> (8).
- ❖ Cột (8): NNT kê khai số thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế. Số thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài được trừ không được vượt quá số thuế TNDN phải nộp theo Luật thuế TNDN được xác định tại cột (7). Tổng cộng cột (8) = chỉ tiêu [04] được tổng hợp lên chỉ tiêu [C16] trên tờ khai 03/TNDN.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.10. Hướng dẫn lập mẫu 03-5/TNDN

* Phần thông tin chung: tương tự mẫu 03/TNDN

* Phần thông tin chi tiết:

- ❖ Chỉ tiêu [04] -> [13]: NNT kê khai doanh thu, chi phí từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản đã quyết toán trong kỳ
- ❖ Chỉ tiêu [12]: NNT kê khai thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản đã bàn giao trong kỳ theo công thức $[12]=[04]-[05]$. Chỉ tiêu [12] được tổng hợp lên chỉ tiêu [B15] của tờ khai 03/TNDN
- ❖ Chỉ tiêu [13]: NNT kê khai chi tiết thu nhập thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua được hưởng ưu đãi



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.11. Hướng dẫn lập mẫu 03-6/TNDN

* Phần thông tin chung: tương tự mẫu 03/TNDN

* Phần thông tin chi tiết:

Mục II. Theo dõi việc điều chuyển, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ các kỳ tính thuế trước và kỳ này:

Cột (1) -> (9): NNT kê khai theo từng năm trích lập quỹ có số tiền quỹ được sử dụng trong kỳ này

Mục III. Xử lý Quỹ khi doanh nghiệp không sử dụng, sử dụng không hết và sử dụng không đúng mục đích

Cột (1) -> (15): NNT kê khai theo từng năm trích lập quỹ có số tiền quỹ được xử lý trong kỳ này

Cột (15): NNT kê khai tổng số tiền phải nộp. Chỉ tiêu cột (15) = (12) + (13) + (14). Tổng cộng cột (15) = chỉ tiêu [06] được tổng hợp lên chỉ tiêu E6 của tờ khai 03/TNDN.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.12. Hướng dẫn lập mẫu 03-8/TNDN

* Phần thông tin chung: tương tự mẫu 03/TNDN

* Phần thông tin chi tiết:

❖ Chỉ tiêu [04]: NNT kê khai tổng số thuế TNDN phải nộp được phân bổ (không bao gồm số thuế TNDN phải nộp cho hoạt động được hưởng ưu đãi đã kê khai riêng)

❖ Chỉ tiêu [05]: NNT kê khai tổng chi phí thực tế của hoạt động SXKD trong kỳ tính thuế, không bao gồm chi phí của hoạt động được hưởng ưu đãi đã kê khai riêng.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.12. Hướng dẫn lập mẫu 03-8/TNDN (tiếp)

* Phần thông tin chung: tương tự mẫu 03/TNDN

* Phần thông tin chi tiết:

- ❖ Cột (1) -> (13): kê khai theo từng đơn vị là CSSX khác tỉnh được phân bổ
- ❖ Cột (4), (5): NNT ghi thông tin địa bàn cấp huyện, tỉnh nơi có cơ sở sản xuất khác tỉnh được phân bổ thuế
- ❖ Cột (6): NNT ghi thông tin cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ thuế
- ❖ Cột (7): NNT kê khai chi phí của từng cơ sở sản xuất của NNT tại trụ sở chính và của từng cơ sở sản xuất khác tỉnh, không bao gồm chi phí của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN đã kê khai riêng trên các phụ lục ưu đãi thuế
- ❖ Cột (8): NNT kê khai tỷ lệ phân bổ tỷ lệ (%) chi phí của từng cơ sở sản



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

5.12. Hướng dẫn lập mẫu 03-8/TNDN (tiếp)

* Phần thông tin chung: tương tự mẫu 03/TNDN

* Phần thông tin chi tiết:

❖ Cột (9): NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp được phân bổ của NNT tại trụ sở chính và của từng cơ sở sản xuất khác tỉnh. Số liệu cột (9) = cột (8) x chỉ tiêu [04]

❖ Cột (10): NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa tại cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ trong kỳ trước do NNT thực hiện tạm nộp theo quý lớn hơn số thuế phải nộp phân bổ theo năm, chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp phân bổ kỳ này. Tổng cộng cột (10) = chỉ tiêu [06] được tổng hợp lên chỉ tiêu [G1] của tờ khai 03/TNDN

❖ Cột (11): NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp theo quý trong năm tại cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Tổng cộng cột (11) = chỉ tiêu [07] được tổng hợp lên chỉ tiêu [G2] của tờ khai 03/TNDN

❖ *Lưu ý: NNT có cơ sở sản xuất khác tỉnh là nhà máy thủy điện nằm trên nhiều tỉnh kê khai số thuế TNDN phân bổ cho nhà máy tại Phụ lục này, đồng thời kê khai số thuế TNDN*

phân bổ cho từng tỉnh tại Phụ lục 03-8B/TNDN



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.13. Hướng dẫn lập mẫu 03-8A/TNDN

* Phần thông tin chung: tương tự mẫu 03/TNDN

* Phần thông tin chi tiết:

- ❖ Cột (1) -> (6): NNT kê khai theo từng địa bàn cấp tỉnh nơi có hoạt động chuyển nhượng bất động sản được phân bổ thuế TNDN
- ❖ Cột (7) -> (12): NNT kê khai doanh thu, thuế TNDN phải nộp, đã nộp, còn phải nộp của hoạt động CN BĐS đã quyết toán trong kỳ
- ❖ Cột (13) -> (16): NNT kê khai doanh thu, thuế TNDN phải nộp, đã nộp, còn phải nộp đối với hoạt động CN BĐS thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng hoặc cho thuê mua, có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ mà doanh thu này chưa được tính vào doanh thu tính thuế TNDN trong năm



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.14. Hướng dẫn lập mẫu 03-8B/TNDN

* Phần thông tin chung: tương tự mẫu 03/TNDN

* Phần thông tin chi tiết:

- ❖ Cột [04]: NNT ghi số thứ tự theo từng nơi nhận phân bổ
- ❖ Cột [05]: NNT ghi thông tin tên nhà máy tại dòng tên nhà máy
- ❖ Cột [06]: NNT ghi thông tin MST/mã địa điểm kinh doanh của nhà máy thủy điện
- ❖ Cột [07], [08]: NNT ghi thông tin địa bàn huyện, tỉnh nơi có văn phòng điều hành nhà máy thủy điện và nơi có nhà máy thủy điện. Trường hợp một nhà máy đóng trên nhiều huyện do cùng một cơ quan thuế quản lý thì chọn 1 huyện trong các huyện nơi có nhà máy thủy điện để kê khai vào chỉ tiêu này.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.14. Hướng dẫn lập mẫu 03-8B/TNDN (tiếp)

* Phần thông tin chi tiết:

- ❖ Cột [09]: NNT ghi thông tin CQT quản lý địa bàn nhận phân bổ
- ❖ Cột [10]: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của từng nhà máy thủy điện
- ❖ Cột [11]: NNT kê khai tỷ lệ phân bổ (%) là tỷ lệ (%) giá trị đầu tư của phần nhà máy thủy điện nằm trên địa giới hành chính từng tỉnh trên tổng giá trị đầu tư của nhà máy thủy điện.
- ❖ Cột [12]: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp được phân bổ cho từng tỉnh. Số liệu Cột [12] = Cột [10] x Cột [11]



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.14. Hướng dẫn lập mẫu 03-8B/TNDN (tiếp)

* Phần thông tin chi tiết:

- ❖ Cột [13]: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa tại cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ trong kỳ trước do NNT thực hiện tạm nộp theo quý lớn hơn số thuế phải nộp phân bổ theo năm, chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp phân bổ kỳ này.
- ❖ Cột [14]: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp theo quý trong năm tại cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán.
- ❖ Cột [15]: NNT kê khai số thuế TNDN còn phải nộp sau quyết toán cho từng tỉnh. Số liệu chỉ tiêu [15] = Chỉ tiêu [12] - [13] - [14]



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.15. Hướng dẫn lập mẫu 03-8C/TNDN

* Phần thông tin chung: tương tự mẫu 03/TNDN

* Phần thông tin chi tiết:

- ❖ Chỉ tiêu [04], [05]: NNT kê khai tổng số thuế TNDN phải nộp, tổng doanh thu bán vé thực tế từ hoạt động kinh doanh xổ số điện toán
- ❖ Chỉ tiêu [06]-> [18]: NNT kê khai các chỉ tiêu phân bổ thuế TNDN phải nộp, đã nộp, còn phải nộp theo từng tỉnh



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.16. Hướng dẫn lập mẫu 03-9/TNDN

* Phần thông tin chung: tương tự mẫu 03/TNDN

* Phần thông tin chi tiết:

- ❖ Cột (2): NNT ghi thông tin theo từng dự án chuyển nhượng bất động sản có số thuế TNDN đã tạm nộp theo tiến độ.
- ❖ Cột (3) -> (8): NNT kê khai thông tin trên chứng từ nộp tiền của từng dự án CN BĐS có số thuế TNDN đã tạm nộp theo tiến độ.
- ❖ Cột (9): NNT kê khai số thuế TNDN trên các chứng từ nộp thuế dùng để bù trừ với số thuế TNDN phải nộp theo quyết toán khi bàn giao bất động sản
- ❖ Cột (10): NNT kê khai số thuế TNDN trên các chứng từ nộp thuế tạm nộp cho hoạt động CN BĐS chưa bàn giao, chưa quyết toán trong kỳ này.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.16. Hướng dẫn lập mẫu 03-9/TNDN (tiếp)

* Phần thông tin chi tiết:

- ❖ Chỉ tiêu [04]: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS chưa quyết toán trong các kỳ trước
- ❖ Chỉ tiêu [05]: NNT kê khai tổng số thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS chưa quyết toán trong các kỳ trước được bù trừ với số thuế phải nộp theo quyết toán kỳ này. Số liệu chỉ tiêu [05] được tổng hợp lên chỉ tiêu [G3] của tờ khai 03/TNDN
- ❖ Chỉ tiêu [06]: NNT kê khai đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS chưa quyết toán trong các kỳ trước và trong kỳ này để chuyển kỳ sau. Số liệu chỉ tiêu $[06] = [04] - [05]$



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

2.16. Hướng dẫn lập mẫu 03-9/TNDN (tiếp)

* Phần thông tin chi tiết:

- ❖ Chỉ tiêu [07]: NNT kê khai tổng số thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ này được bù trừ với số thuế phải nộp theo quyết toán kỳ này. Số liệu chỉ tiêu [07] được tổng hợp lên chỉ tiêu [G4] của tờ khai 03/TNDN
- ❖ Chỉ tiêu [08]: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp theo tiến độ trong kỳ này chưa quyết toán trong kỳ này để chuyển kỳ sau.
- ❖ Chỉ tiêu [09]: NNT kê khai tổng số thuế TNDN đã tạm nộp trong kỳ trước và trong kỳ này bù trừ với số thuế phải nộp theo quyết toán kỳ này. Số liệu chỉ tiêu $[09] = [05] + [07]$
- ❖ Chỉ tiêu [10]: NNT kê khai tổng số tiền thuế đã tạm nộp chưa quyết toán chuyển kỳ sau. Số liệu chỉ tiêu $[10] = [06] + [08]$



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

3. Hướng dẫn lập tờ khai quyết toán mẫu 04/TNDN:

* Phần thông tin chung:

- ❖ **Chỉ tiêu [01]:** Ghi rõ kỳ tính thuế năm (theo năm dương lịch hoặc năm tài chính đối với doanh nghiệp áp dụng năm tài chính khác với năm dương lịch), từ ngày đầu tiên của năm dương lịch/năm tài chính hoặc ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh (đối với doanh nghiệp mới thành lập) hoặc ngày hợp đồng bắt đầu có hiệu lực (đối với hợp đồng) đến ngày kết thúc năm dương lịch/năm tài chính hoặc ngày chấm dứt hoạt động kinh doanh hoặc chấm dứt hợp đồng hoặc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp hoặc tổ chức lại doanh nghiệp được xác định phù hợp với kỳ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.
- > Khi kê khai trên ứng dụng, NNT đánh dấu chọn loại kỳ tính thuế là một trong các kỳ tính thuế sau: định kỳ hoặc kỳ tính thuế đầu tiên hoặc kỳ tính thuế cuối cùng để được kê khai theo nội dung tại chỉ tiêu 01 nêu trên.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

3. Hướng dẫn lập tờ khai mẫu 04/TNDN (quyết toán)

* Phần thông tin chung:

- ❖ **Chỉ tiêu [01]:** Ghi rõ kỳ tính thuế năm (theo năm dương lịch hoặc năm tài chính đối với doanh nghiệp áp dụng năm tài chính khác với năm dương lịch), từ ngày đầu tiên của năm dương lịch/năm tài chính hoặc ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh (đối với doanh nghiệp mới thành lập) hoặc ngày hợp đồng bắt đầu có hiệu lực (đối với hợp đồng) đến ngày kết thúc năm dương lịch/năm tài chính hoặc ngày chấm dứt hoạt động kinh doanh hoặc chấm dứt hợp đồng hoặc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp hoặc tổ chức lại doanh nghiệp được xác định phù hợp với kỳ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.
- > Khi kê khai trên ứng dụng, NNT đánh dấu chọn loại kỳ tính thuế là một trong các kỳ tính thuế sau: định kỳ hoặc kỳ tính thuế đầu tiên hoặc kỳ tính thuế cuối cùng để được kê khai theo nội dung tại chỉ tiêu 01 nêu trên.



IV. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp

3. Hướng dẫn lập tờ khai mẫu 04/TNDN (quyết toán) (tiếp):

* Phần thông tin chi tiết:

- ❖ Chỉ tiêu [11] -> [25]: NNT kê khai doanh thu, tỷ lệ tính thuế TNDN, số thuế TNDN được miễn giảm, số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp, còn phải nộp trong kỳ quyết toán.
- ❖ Chỉ tiêu [22]: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước trong kỳ trước do NNT thực hiện tạm nộp theo quý lớn hơn số thuế phải nộp quyết toán theo năm, chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này.
- ❖ Chỉ tiêu [23]: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp theo quý trong năm tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán.



**TRÂN TRỌNG CẢM ƠN VÀ KÍNH CHÚC QUÝ VỊ
SỨC KHỎE- HẠNH PHÚC- THÀNH CÔNG**